

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP.HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường)

TP.Hồ Chí Minh, tháng năm 2010

**NHỮNG TỪ VÀ CỤM TỪ VIẾT TẮT
TRONG BẢN BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

Tắt	Đầy đủ
CBCC	Cán bộ công chức
GV	Giảng viên
SV	Sinh viên
HS	Học sinh
NCKH	Nghiên cứu khoa học
HĐKH	Hội đồng khoa học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
CĐ	Cao đẳng
CBGV	Cán bộ, giảng viên
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
HSSV	Học sinh sinh viên
TDTT	Thể dục, thể thao
TC-HC	Tổ chức – hành chính
QLHSSV	Quản lý học sinh sinh viên

Số:...../CĐKT

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2010

PHẦN I
CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG

Thời điểm báo cáo: tính đến ngày / /2010

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường:

Tiếng Việt: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP.HỒ CHÍ MINH

Tiếng Anh: HOCHIMINH CITY COLLEGE OF ECONOMICS

2. Tên viết tắt của trường:

Tiếng Việt: CĐKT TPHCM

Tiếng Anh: HCE

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Trung học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo TP.Hồ Chí Minh

5. Địa chỉ trường: 33 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, TP.HCM

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 38330731 - Số fax 38330731

E-mail: hce@hcm.vnn.vn Website: <http://www.kthcmedu.vn>

7. Năm thành lập trường: QĐ số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03/2/2005
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2005

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Tháng 11/2008

10. Loại hình trường đào tạo:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Giới thiệu khái quát về nhà trường:

11. Lịch sử phát triển:

Tiền thân Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.Hồ Chí Minh là Trường Trung học Kinh tế TP.HCM được thành lập và trực thuộc Ủy ban Nhân dân TP.HCM theo Quyết định số 536/QĐ-UB ngày 15/9/1989 trên cơ sở hợp nhất 4 trường trung cấp:

- 1) Trường Trung học Kế hoạch thành lập theo quyết định số 123/QĐ-UB ngày 10/3/1976 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- 2) Trường Trung học Tài chính thành lập theo quyết định số 146/QĐ-UB ngày 16/3/1976 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3) Trường Trung học Thương nghiệp thành lập theo quyết định số 328/QĐ-UB ngày 25/5/1976 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.
- 4) Trường Trung học Lao động Tiền lương thành lập theo quyết định số 3425/QĐ-UB ngày 14/10/1976 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 03/02/2005 trường được nâng cấp thành Trường Cao Đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường trực thuộc và chịu sự chỉ đạo, quản lý về mọi mặt của Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM theo quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07/3/2005 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM.

Trường được phân công đào tạo các ngành thuộc các bậc học như sau:

+ Bậc cao đẳng có 4 ngành:

1. Kế toán (chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp)
2. Quản trị kinh doanh (chuyên ngành QTKD và QTKD XNK)
3. Kinh doanh quốc tế
4. Tiếng Anh (chuyên ngành Anh văn thương mại)

+ Bậc Trung cấp chuyên nghiệp có 9 chuyên ngành:

1. Tin học Kế toán
2. Kế toán Doanh nghiệp
3. Quản trị Kinh doanh

4. Nghiệp vụ Kinh doanh Thương mại
 5. Nghiệp vụ Kinh tế Ngoại thương
 6. Hướng dẫn viên du lịch
 7. Kế toán Hành chính sự nghiệp
 8. Nghiệp vụ Thuế
 9. Nghiệp vụ Tiếp tân – Khách sạn – Nhà hàng
- Đào tạo liên thông từ Trung cấp chuyên nghiệp lên Cao đẳng đối với 2 ngành QTKD và Kế toán.
 - Đào tạo hệ vừa làm vừa học đối với bậc Trung cấp chuyên nghiệp (gồm các chuyên ngành giống hệ chính quy)

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường:

- Cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM, gồm:

- Ban giám hiệu: 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng
- 04 Khoa và 03 Tổ bộ môn trực thuộc:
 1. Khoa Tài chính – Kế toán
 2. Khoa Quản trị Kinh doanh
 3. Khoa Thương mại – Du lịch
 4. Khoa Ngoại ngữ
 5. Tổ bộ môn Mác-Lênin
 6. Tổ bộ môn Giáo dục Pháp luật – Thể chất
 7. Tổ bộ môn Tin học
- 06 Phòng chức năng và Thư viện:
 1. Phòng Đào tạo
 2. Phòng Tổ chức – Hành chính
 3. Phòng Kế toán – Tài vụ
 4. Phòng Quản lý học sinh – sinh viên
 5. Phòng Quản trị – Thiết bị
 6. Phòng Thanh tra
 7. Thư viện

- Hội đồng khoa học và các hội đồng tư vấn khác.
- Chi bộ Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM hiện có 33 đảng viên.

- Công đoàn Trường có 138 công đoàn viên.
- Đoàn TNCSHCM Trường có trên 4.000 đoàn viên.

13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường:

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
1. Hiệu trưởng	Nguyễn Thanh Ký	Hiệu trưởng – Thạc sĩ	0903399325
2. Phó Hiệu trưởng	Phạm Đức Nguyễn thị Thu Thảo	Phó Hiệu trưởng Thạc sĩ P. Hiệu trưởng – Thạc sĩ	0903944618 0908381533
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội SV	Nguyễn Thanh Ký Trần Hoài Trung Nguyễn thị Đoan Trang Lưu Đình Vinh	Bí thư Chi bộ Bí thư Đoàn TN Chủ tịch Công đoàn Chủ tịch Hội SV	0903399325 0938849549 0913158934
4. Các phòng, ban chức năng	Phòng Đào tạo Phòng Tổ chức Hành chính Phòng Kế toán – Tài vụ Phòng Quản trị - Thiết bị Phòng Quản lý HS-SV Phòng Thanh tra Thư viện	Nguyễn thị Đoan Trang – Thạc sĩ – Trưởng Phòng Đỗ Xuân Nam – Cử nhân – Trưởng phòng Lê thị Kim Vi – Cử nhân – Trưởng phòng Nguyễn Sĩ Hào – Cử nhân – Trưởng phòng Nguyễn Lan Phương – Cử nhân – Trưởng phòng Trần thái Trí- Thạc sĩ – Trưởng phòng	0913158934 0903815760 0919668319 0903735244 0933711936 0903632523
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc			
6. Các khoa	Khoa Tài chính – Kế toán Khoa Thương mại Du lịch Khoa Quản trị Kinh doanh Khoa Ngoại ngữ Tổ BM Mác-Lênin Tổ BM Giáo dục Pháp luật	Nguyễn Hoàng Hải – Thạc sĩ – Trưởng Khoa Phạm văn Nhuận – Tiến sĩ – Trưởng khoa Trần thị Như Thanh – Thạc sĩ – Trưởng khoa Đoàn thị Kiều Nga – Thạc sĩ – Trưởng khoa Nguyễn Thanh Thủy – Thạc sĩ – Tổ trưởng Nguyễn Cửu thị Hương Lưu –	0913650347 0918229395 0918196189 0903303878 0909284304 0908374207

	– Thẻ chất Tổ BM Tin học	Thạc sĩ – Tổ trưởng Đỗ Công Thánh – Cử nhân – Tổ trưởng	0918339500
--	-----------------------------	---	------------

14. Các cấp học và trình độ đào tạo của nhà trường:

	Có	Không
Đào tạo Tiến sĩ	☐	☒
Đào tạo Thạc sĩ	☐	☒
Đào tạo Đại học	☐	☒
Đào tạo Cao đẳng	☒	☐
Đào tạo TCCN	☒	☐

15. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 04 ngành

Số lượng chuyên ngành đào tạo TCCN: 09 chuyên ngành

16. Các loại hình đào tạo của nhà trường:

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☒	☐

17. Tổng số các khoa đào tạo: 04 Khoa

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

18. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu: Trong đó:	69	77	146
I.1	Cán bộ trong biên chế	31	32	63
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	38	45	83
II	Các cán bộ khác			

	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	4	4	8
	Tổng số	73	81	154

19. Thống kê, phân loại giảng viên:

Số thứ tự	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	1	1				
5	Thạc sĩ	48	20	15	5	8	
6	Đại học	67	43	21	3		
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	116	64	36	8	8	

Tổng số giảng viên cơ hữu: 108 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 74%

20. Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường:

Số thứ tự	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng	Giảng viên quốc tế	Giảng viên quy đổi
				Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	3,0							
2	Phó Giáo sư	2,5							

3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2,0	1	1					2
5	Thạc sĩ	1,3	48	20	15	5	8		49,53
6	Đại học	1,0	67	43	21	3			64,9
7	Cao đẳng	0,5							
8	Trình độ khác	0,2							
	Tổng		116	64	36	8	8		116,43

21. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	1	93	1					1	
5	Thạc sĩ	40	37	18	22	4	13	11	12	
6	Đại học	67	62	32	35	27	26	6	8	
7	Cao đẳng									
8	Trình độ khác									
	Tổng	108	100	51	57	31	39	17	21	

21.1. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	15	60
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	10	10
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	15	15
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	15	10
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời	45	5

	gian của công việc)		
	Tổng	100	100

21.2. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37 tuổi

21.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 0,93%

21.4. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 37%

IV. Người học

22. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên/học sinh trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của SV-HS được tuyển	Số lượng SV-HS quốc tế nhập học (người)
Cao đẳng							
2005-2006	600	592	1,2	588	13	14,5	
2006-2007	21.394	1.350	30,5	900	19	21,5	
2007-2008	9.506	2.029	7,3	1.353	17,5	20	
2008-2009	10.806	2100	8,3	1.400	21,5	22	
2009-2010	6.639	2.358	2,81	1.591	19	20	
TCCN							
2005-2006	4.345	1.795	3,6	1.197	8,5	10,5	
2006-2007	4.530	2.350	3,7	1.567	12	14	
2007-2008	8.234	2.118	6,8	1.412	14	15	
2008-2009	7.605	1.800	6,3	1.200	12,5	14	
2009-2010	2.769	1.795	1,54	1.116	12	13.5	

Số lượng sinh viên/học sinh hệ chính quy đang học tập tại trường (theo Quyết

định số 795/QĐ-BGDĐT ngày 27/02/2010): 5.502 người

23. Thống kê, phân loại số lượng sinh viên/học sinh nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người					
Các tiêu chí	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009	2009-2010
1. Sinh viên cao đẳng	588	900	1.353	1.400	1.591
Trong đó:					
– Hệ chính quy	588	900	1.353	1.400	1.591
– Hệ không chính quy					
2. Học sinh TCCN	1.898	1.915	1.631	1.350	1.116
Trong đó:					
– Hệ chính quy	1.197	1.567	1.412	1.200	1.116
– Hệ không chính quy	701	348	219	150	

Tổng số sinh viên/học sinh chính quy (chưa quy đổi): 6.660 SV-HS

Tổng số sinh viên/học sinh quy đổi (theo Quyết định số 795/QĐ-BGDĐT ngày 27/02/2010) : 5.577 SV-HS

Tỷ lệ SV-HS trên giảng viên (sau khi quy đổi): 47,9 %

24. Số SV/HS quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây: Không có

25. SV/HS có chỗ ở trong ký túc xá / tổng số SV-HS có nhu cầu:

Các tiêu chí	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009	2009-2010
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	300	300	300	/	/
2. SV-HS có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá), người					
3. Số lượng sinh viên/học sinh được ở trong ký túc xá, người	75	73	21	/	/
4. Tỷ số diện tích trên đầu SV-HS ở trong ký túc xá, m ² /người	4	4,1	14,2	/	/

26. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học: Không có

27. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2004-2005	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009
1. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	Chưa có SV tốt nghiệp			377	815
Trong đó:					
Hệ chính quy				377	815
Hệ không chính quy				/	/
2. Học sinh tốt nghiệp TCCN	1.098	1.107	1.090	1.034	1.155
Trong đó:					
Hệ chính quy	807	843	839	911	978
Hệ không chính quy	291	264	251	123	177

28. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	Chưa có SV tốt nghiệp		377	815
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	Chưa có SV tốt nghiệp		64%	90%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Trường chưa thực hiện			
3.1 Tỷ lệ SV trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	Trường chưa thực hiện			
3.2 Tỷ lệ SV trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	Trường chưa thực hiện			
3.3 Tỷ lệ SV trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	Trường chưa thực hiện			

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây				
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	Chưa có SV tốt nghiệp Chưa có SV tốt nghiệp	32%	63%	
		Trường chưa thực hiện		
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	Chưa có SV tốt nghiệp	17%	14,92%	
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	Chưa có SV tốt nghiệp	2.000.000	3.000.000	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Chưa có SV tốt nghiệp	Trường chưa thực hiện		
5.1 Tỷ lệ SV đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	Chưa có SV tốt nghiệp	Trường chưa thực hiện		
5.2 Tỷ lệ SV cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	Chưa có SV tốt nghiệp	Trường chưa thực hiện		
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	Chưa có SV tốt nghiệp	Trường chưa thực hiện		

29. Tình trạng tốt nghiệp của học sinh TCCN hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2004-2005	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009
1. Số lượng học sinh tốt nghiệp (người)	807	843	839	911	978
2. Tỷ lệ HS tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	67,25	70,25	69,91	75,91	69,26
3. Đánh giá của học sinh tốt nghiệp chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Trường chưa thực hiện				
3.1 Tỷ lệ học sinh trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	Trường chưa thực hiện				
3.2 Tỷ lệ học sinh trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	Trường chưa thực hiện				
3.3 Tỷ lệ học sinh trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	Trường chưa thực hiện				
4. Học sinh có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Trường chưa thực hiện				
4.1 Tỷ lệ học sinh có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	Trường chưa thực hiện				

4.2 Tỷ lệ học sinh có việc làm trái ngành đào tạo (%)	Trường chưa thực hiện
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của học sinh có việc làm	Trường chưa thực hiện
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về học sinh tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Trường chưa thực hiện
5.1 Tỷ lệ học sinh đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	Trường chưa thực hiện
5.2 Tỷ lệ học sinh cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	Trường chưa thực hiện
5.3 Tỷ lệ học sinh phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	Trường chưa thực hiện

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

30. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây: 01
31. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 5 năm gần đây: Không có
32. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây: 05 người
33. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây: Không có
34. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây: Không có
35. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây: 03 bài
36. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí

trong 5 năm gần đây: 03 người

37. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây: 24 người
38. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây: 24 người
39. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: Không có
40. Nghiên cứu khoa học của sinh viên/học sinh: Không có
- 40.1. Số lượng sinh viên/học sinh của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây: Không có
- 40.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên/học sinh: Không có

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính:

41. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 6.590,1 m²
42. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²): 4.614,5m²
- Nơi làm việc: 276,5m² Nơi học: 4.340 m²
43. Diện tích phòng học (tính bằng m²)
- Tổng diện tích phòng học: 4.340 m²
 - Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên/học sinh chính quy: 0,64 m²
44. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường 13.256 cuốn
- Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 12.087 cuốn
45. Tổng số máy tính của trường:
- Dùng cho hệ thống văn phòng: 30 máy
 - Dùng cho sinh viên/học sinh học tập: 286 máy
- Tỷ số số máy tính dùng cho SV-HS trên SV-HS chính quy: 0,05
46. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây (nguồn NSNN cấp):
- Năm 2005: 5.521.291.000đ
 - Năm 2006: 8.219.060.000đ

- Năm 2007: 21.485.000.000đ
- Năm 2008: 18.500.000.000đ
- Năm 2009: 21.587993.000đ

47. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2005-2006: 2.779.920.000đ
- Năm 2006-2007: 4.225.530.000đ
- Năm 2007-2008: 5.207.790.000đ
- Năm 2008 - 2009: 5.489.900.000đ
- Năm 2009 - 2010: 7.235.575.000đ

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 108

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 74%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 0,93%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 37,04%

2. Người học (sinh viên/học sinh):

Tổng số sinh viên/học sinh chính quy (người): 6.660 người

Tổng số sinh viên/học sinh quy đổi (người): 5.577 người

Tỷ số sinh viên/học sinh trên giảng viên (sau khi quy đổi): 47,9

Tỷ lệ sinh viên/học sinh tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): CĐ: 90%,
TCCN: 69,26%

3. Đánh giá của Người học tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên/học sinh trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Trường chưa thực hiện

Tỷ lệ sinh viên/học sinh trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Trường chưa thực hiện

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên/ có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 77,92%

Tỷ lệ sinh viên/học sinh có việc làm trái ngành đào tạo (%): Trường chưa

thực hiện

Thu nhập bình quân/tháng của SV/HS có việc làm (Triệu VNĐ): 2.000.000đ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về Người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ SV-HS đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay : Trường chưa thực hiện

Tỷ lệ sinh viên/học sinh cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm : Trường chưa thực hiện

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: Trường chưa thực hiện

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Trường chưa thực hiện

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: Trường chưa thực hiện

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Trường chưa thực hiện

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Trường chưa thực hiện

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Trường chưa thực hiện

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho SV-HS trên SV-HS chính quy: 0.05

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên/học sinh chính quy: 0,64

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên/học sinh chính quy: không có

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

Th.s Nguyễn Thanh Ký

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

I. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM được giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực có trình độ Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp về lĩnh vực kinh tế phục vụ cho tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa cho TP.HCM nói riêng và cho cả nước nói chung trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu.

Trong 4 năm qua (2006- 2010), toàn thể CBVC nhà trường đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, mang lại nhiều thay đổi tích cực, những kết quả đáng khích lệ trong các hoạt động đào tạo, phát triển đội ngũ, phát triển cơ sở vật chất phục vụ dạy và học.

Để không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng với chuẩn giáo dục chung của cả nước, Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM thực hiện công tác tự đánh giá theo QĐ 66/2007/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 01/11/2007 quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng.

Sau khi nghiên cứu, phân tích kỹ 10 tiêu chuẩn và 55 tiêu chí, nhà trường huy động tất cả cán bộ, giảng viên, công nhân viên của trường vào việc thu thập và xử lý minh chứng phục vụ cho công tác tự đánh giá.

Trong Báo cáo tự đánh giá của trường, các minh chứng được mã hóa theo thứ tự Hn.ab.cd.ef, trong đó:

- H: Hộp minh chứng
- n: số thứ tự của hộp minh chứng
- ab: kí hiệu tiêu chuẩn
- cd: kí hiệu tiêu chí
- ef: kí hiệu số thứ tự minh chứng

Ví dụ: H1.01.02.05 có nghĩa là: minh chứng thứ 5, của tiêu chí 2, của tiêu chuẩn 1 chứa trong hộp minh chứng 1.

II. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN:

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của Trường cao đẳng

1. Những điểm mạnh:

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM có sứ mạng rõ ràng và phù hợp với chức năng và nguồn lực của mình. Sứ mạng của trường gắn kết chặt chẽ với nhu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Các mục tiêu của trường cụ thể, rõ ràng, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình thực tế của trường trong từng năm học và được cụ thể hóa trong các phương hướng hoạt động hàng năm của trường. Mục tiêu giáo dục của trường có sự thống nhất cao giữa các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể. Đây là điều kiện tiên quyết để thực hiện tốt các mục tiêu đề ra.

2. Những tồn tại:

Các hình thức tuyên truyền, quảng bá sứ mạng và mục tiêu của Trường trong những năm qua chưa rộng rãi, phong phú và đa dạng.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2010 - 2011, Trường sẽ soạn thảo lại nội dung của sứ mạng và tiếp tục tăng cường tuyên truyền, quảng bá rộng rãi sứ mạng và mục tiêu đến các đối tượng trong và ngoài trường (cho cán bộ, viên chức sinh viên, học sinh và các đơn vị sử dụng sản phẩm của trường) thông qua công tác tuyên truyền, sinh hoạt đầu khóa, trên website và các tài liệu giới thiệu trường.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

1. Những điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức của Trường tuân thủ theo đúng Điều lệ trường cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ vào điều lệ, Trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động giúp các đơn vị thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình. Việc phổ biến, triển khai các văn bản về tổ chức và quản lý của Trường đến CBVC và sinh viên được thực hiện qua nhiều hình thức: gửi văn bản trực tiếp, đăng trên website; hàng tháng giao ban giữa Ban Giám hiệu với lãnh đạo các đơn vị trong Trường.

Tổ chức Đảng và các đoàn thể của Trường hoạt động có hiệu quả trên nguyên tắc tập trung dân chủ và được đánh giá tốt trong xếp loại hàng năm.

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, có năng lực quản lý, có chuyên môn nghiệp vụ nên hoàn thành nhiệm vụ nhanh chóng và hiệu quả .

2. Những tồn tại:

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường mỏng và lớn tuổi.

Ngoài ra, so với điều lệ trường cao đẳng, bộ máy quản lý nhà trường còn thiếu 1 số phòng chức năng và tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2010 - 2011, Trường thành lập bộ phận chuyên trách đảm bảo chất lượng giáo dục và Phòng Quan hệ đối ngoại bổ sung vào cơ cấu tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển.

Trong công tác quy hoạch cán bộ, năm học 2010 – 2011, trường bổ sung thêm 02 Phó hiệu trưởng và tập trung bồi dưỡng lực lượng kế cận.

Tiêu chuẩn 3. Chương trình giáo dục

1. Những điểm mạnh:

Chương trình đào tạo của Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của nhà trường.

Trường có đủ chương trình giáo dục cho các bậc Cao đẳng và Trung cấp, cho các hệ đào tạo chính quy và không chính quy (hệ vừa làm vừa học và liên thông).

Trường thực hiện đào tạo liên thông giữa các trình độ đào tạo, giữa các phương thức đào tạo.

Chương trình giáo dục của các ngành, chuyên ngành thuộc các bậc, hệ được công khai lên Website của Trường.

2. Những tồn tại:

Chưa thường xuyên điều tra thăm dò các nhà tuyển dụng lao động về chương trình giáo dục để nắm bắt, điều chỉnh kịp thời các nội dung giáo dục.

3. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2010 - 2011, Trường có kế hoạch định kỳ tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục cho phù hợp với nhu cầu xã hội.

Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đào tạo

1. Những điểm mạnh:

Công tác tuyển sinh được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hoạt động đào tạo của Trường được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đúng chương trình và kế hoạch đào tạo.

Kết quả học tập và rèn luyện của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác, an toàn; văn bằng, chứng chỉ được cấp phát theo đúng quy định và được công bố kịp thời trên trang web của Trường .

2. Những tồn tại:

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý của nhà trường chưa cao. Chưa có thông tin về tình hình sinh viên sau tốt nghiệp: tình hình việc làm, thu nhập,....

3. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2010 - 2011, Trường sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý SVHS, đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, truy cập, thông báo và tổng hợp báo cáo.

Cập nhật thường xuyên tình hình SV sau tốt nghiệp để kịp thời điều chỉnh, đa dạng hóa loại hình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương.

Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

1. Những điểm mạnh:

Đội ngũ CBVC của trường tương đối đủ về số lượng và ngày càng được trẻ hóa, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Trường có đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn, được phân công giảng dạy đúng chuyên môn.

Định kỳ, nhà trường tổ chức đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên chú trọng đến việc triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy.

2. Những tồn tại:

Trong những năm qua , trường liên tục tuyển dụng giảng viên nhưng số lượng GV tăng chưa đáp ứng được quy mô phát triển của nhà trường.

Ngoài ra, trường còn thiếu những kỹ thuật viên, nhân viên có trình độ cao và còn một số nhân viên chưa qua đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Kế hoạch hành động:

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên, cán bộ và nhân viên; chú trọng đào tạo và phát triển các giảng viên trẻ.

Tiếp tục tuyển dụng giảng viên, kỹ thuật viên, nhân viên được đào tạo cơ bản, đủ để đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

Tiêu chuẩn 6. Người học

1. Những điểm mạnh:

Người học luôn được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, qui định trong qui chế đào tạo; người học được đảm bảo các chế độ chính sách và chăm sóc sức khỏe định kỳ theo quy định của y tế học đường, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, tập luyện thể dục thể thao và đảm bảo an toàn trong trường học; người học được tu dưỡng và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và tinh thần trách nhiệm, thái độ hợp tác.

Chi ủy, Ban Giám hiệu trường luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện cho công tác Đoàn, Hội và phong trào sinh viên bằng cách tạo cơ chế, điều kiện và hỗ trợ kinh phí hoạt động.

2. Những tồn tại:

Trong công tác người học, trường còn một số hạn chế như: thông tin cung cấp cho sinh viên về kết quả học tập chưa kịp thời; cơ sở vật chất, phương tiện của trường phục vụ cho phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao còn hạn chế;...

3. Kế hoạch hành động:

Năm học 2010 - 2011, trường sẽ thực hiện các kế hoạch cụ thể: đa dạng hóa các kênh thông tin đến sinh viên thông qua website của trường; lập kế hoạch dài hạn thuê các cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao, đầu tư thiết bị, hội trường phục vụ cho các hoạt động phong trào.

Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ.

1. Những điểm mạnh:

Từ năm học 2005 - 2006, nhà trường đã thành lập Hội đồng Khoa học trường để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch về hoạt động NCKH; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ. Hoạt động này đã có những kết quả nhất định, cùng với các hoạt động chuyên môn khác giúp nhà trường hoàn thành được vai trò và sứ mạng của mình.

2. Những tồn tại:

Do số tiết giảng dạy khá lớn nên giảng viên chưa tích cực với các hoạt động NCKH.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2010 - 2011, Trường sẽ có những biện pháp thích hợp để khuyến khích GV nghiên cứu khoa học như tăng cường kinh phí cho công tác NCKH, viết giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác đào tạo. Mở các lớp bồi dưỡng về phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết đề án NCKH cho cán bộ, giảng viên. Gắn nhiệm vụ NCKH của giảng viên với các quyền lợi cụ thể như: xây dựng các tiêu chuẩn xét duyệt nâng lương trước thời hạn, xét thi đua hàng năm cho CBVC.

Tiêu chuẩn 8. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

1. Những điểm mạnh:

Hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác cơ bản đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập.

Toàn bộ phạm vi nhà trường được phủ sóng wifi tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, học sinh khai thác tài liệu.

Các phòng học được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại, đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, học tập. Trường có đủ phòng làm việc cho Ban Giám hiệu, các Phòng, Khoa, Tổ trực thuộc.

2. Những tồn tại:

Cơ sở vật chất chật hẹp, không đáp ứng quy mô phát triển của nhà trường: sân trường chật hẹp, phòng học thiếu, không có ký túc xá,...

3. Kế hoạch hành động:

Năm học 2009 - 2010 nhà trường đã xây dựng đề án sửa chữa khu nhà C và tiếp tục xin cấp 30 hecta đất để mở rộng trường. Với diện tích trên, trường sẽ xây dựng đầy đủ số lượng phòng học, sân bãi, nơi tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

Tiêu chuẩn 9. Tài chính và quản lý tài chính

1. Những điểm mạnh:

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM thực hiện công tác quản lý tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Quy chế chi tiêu nội bộ trường được ban hành sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong Hội nghị Cán bộ Công chức

Nguồn kinh phí của nhà trường chủ yếu từ ngân sách nhà nước cấp, luôn luôn ổn định nên không gây xáo trộn lớn trong việc thực hiện kế hoạch hàng năm của nhà trường.

Thực hiện thông báo công khai dự, quyết toán thu chi nguồn Ngân sách Nhà nước và nguồn khác tại Hội nghị Cán bộ Công chức hàng năm và niêm yết công khai trên bảng thông báo của Phòng Kế toán – Tài vụ.

2. Những tồn tại:

Các thông tin về chi trả cá nhân mới chỉ được thông báo trên bảng thông báo của Phòng Tổ chức – Hành chính.

Các nguồn thu khác của nhà trường còn hạn chế .

Hệ thống thông tin nhà trường đang mới bước đầu triển khai chưa hoàn thiện, nên chưa có sự liên thông giữa quản lý tài chính với các công tác quản lý khác.

3. Kế hoạch hành động:

Hoàn thiện hệ thống thông tin thống nhất trong toàn trường.

Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo một cách hợp lý, tăng cường các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để tăng cường nguồn thu một cách hợp pháp đáp ứng nhu cầu phát triển nhà trường.

Tiêu chuẩn 10. Quan hệ giữa Trường và xã hội

1. Những điểm mạnh:

Nhà trường đã thiết lập được mối quan hệ với chính quyền và các cơ quan đoàn thể ở địa phương. Các hoạt động này đã tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh cho học sinh, sinh viên, đem lại hiệu quả tích cực cho công tác giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, lối sống đạo đức, cải thiện đời sống văn hóa tinh thần của học sinh, sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Những tồn tại:

Chưa xây dựng được mối quan hệ giữa Trường và các cơ sở văn hóa, văn nghệ, TDTT.

Các hình thức tổ chức hoạt động văn hóa - xã hội còn chưa phong phú.

3. Kế hoạch hành động:

Trong thời gian tới, Trường chủ động, tích cực hợp tác chặt chẽ hơn với các cơ sở văn hóa, văn nghệ, TDTT và đa dạng hóa các hoạt động trên.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường cao đẳng

Mở đầu:

Ngay từ khi thành lập trường Trung học Kinh tế TP.HCM theo Quyết định số 536/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân TP.HCM ngày 15/9/1989 trên cơ sở hợp nhất 4 trường Trung học chuyên nghiệp: Trung học Tài chính, Trung học Kế hoạch, Trung học Thương nghiệp, Trung học Lao động – Tiền lương đã xác định sứ mạng là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa của Thành phố nói riêng và của cả nước nói chung.

Với sứ mạng đã được xác định, nên trong quá trình phát triển đến ngày 03/02/2005 theo Quyết định số 620/QĐ- BGD & ĐT -TCCB của Bộ Giáo dục và Đào tạo trường được nâng cấp lên thành trường Cao Đẳng Kinh tế TP.Hồ Chí Minh tiếp tục sứ mạng trên.

Căn cứ vào sứ mạng, nhà trường định ra các mục tiêu cơ bản trong từng giai đoạn để hoàn thành các nhiệm vụ giáo dục – đào tạo được giao, đồng thời góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của TP.Hồ Chí Minh nói riêng và của đất nước nói chung.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường cao đẳng được xác định, được công bố công khai, có nội dung rõ ràng; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

1. Mô tả:

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM ý thức được sự cần thiết phải xây dựng sứ mạng nên ngay khi thành lập nhà trường đã xác định sứ mạng. Sứ mạng Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM là : “Đào tạo đội ngũ cán bộ kinh tế có chất lượng cao, đặc biệt về thực hành để sớm tiếp cận trình độ chung của khu vực và thế giới và nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tế hoạt động của các ngành, các địa phương, trên cơ sở đó đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội ở thành phố Hồ Chí Minh trong tương lai.” [H1.01.01.01]. Sứ mạng của trường đã được công bố trên Website [H1.01.01.02], nhờ đó mà giảng viên, cán bộ viên chức và

sinh viên, học sinh hiểu về sứ mạng của trường.

Nội dung của sứ mạng xác định phù hợp với chức năng: “ Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ có kiến thức chuyên môn, có khả năng thực hành nghề nghiệp và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo” [H1.01.01.03]; phù hợp với nhiệm vụ: “Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh, Quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu; nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội” [H1.01.01.04]; phù hợp với các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của thành phố Hồ Chí Minh và của ngành [H1.01.01.05].

2. Những điểm mạnh:

Sứ mạng Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM được xác định ngay từ khi thành lập trường.

Nội dung của sứ mạng phù hợp với chức năng và nguồn lực của trường, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

3. Những tồn tại:

Các hình thức tuyên truyền, quảng bá sứ mạng của Trường trong những năm qua chưa rộng rãi, phong phú và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2010 - 2011 thành lập một nhóm phụ trách hoàn thiện sứ mạng cho phù hợp với giai đoạn phát triển tiếp theo (2011 - 2020).

Đa dạng hóa hình thức phổ biến sứ mạng cụ thể như: tuyên truyền giáo dục sứ mạng vào đầu khóa học cho sinh viên, học sinh; đưa vào các tài liệu giới thiệu trường; Đoàn, Hội sinh viên phát động phong trào tìm hiểu sứ mạng của trường qua đó học sinh, sinh viên hiểu được ý nghĩa của sứ mạng, tự hào về trường hướng tới phấn đấu học tốt góp phần cùng nhà trường hoàn thành mục tiêu, sứ mạng của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường cao đẳng phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã được tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả:

Mục tiêu của trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM được xây dựng ngay từ khi thành lập là: “Đào tạo cán bộ quản lý kinh tế có trình độ tổng hợp, có kiến thức sâu rộng có chất lượng cao về chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản về ngành nghề đào tạo, có khả năng giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo nhằm tạo ra những con người có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe và tác phong khoa học, năng động và sáng tạo, có khả năng tư duy độc lập đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc” [H1.01.02.01]. Mục tiêu của trường phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật Giáo dục: “Đào tạo trình độ cao đẳng giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo” [H1.01.02.02] và sứ mạng đã được tuyên bố của nhà trường [H1.01.02.03].

Hàng năm trường xây dựng kế hoạch công tác tổ chức Hội nghị cán bộ công chức để đề ra & triển khai mục tiêu của trường cho từng năm học thông qua phương hướng hoạt động [H1.01.02.04]. Mục tiêu của trường được rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình thực tế qua việc lấy ý kiến đóng góp từ các cơ sở cho các văn kiện của Hội nghị và được biểu quyết thành Nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức từng năm học [H1.01.02.05]. Mục tiêu được cụ thể hóa thành những nhiệm vụ, chỉ tiêu và trách nhiệm của Chính quyền, Công đoàn và cán bộ công chức thực hiện trong năm. Từ đó, các Phòng, Khoa, Tổ xây dựng kế hoạch hoạt động và giảng dạy [H1.01.02.06].

2. Những điểm mạnh:

Mục tiêu của trường phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã được tuyên bố của nhà trường.

Mục tiêu của nhà trường đã được cụ thể hóa trong nhiệm vụ các năm học, được phổ biến, triển khai thực hiện trong toàn trường. Trên cơ sở mục tiêu của nhà trường, các Khoa, Tổ, Phòng trong trường đều xác định các mục tiêu và các giải pháp thực hiện mục tiêu của đơn vị mình.

3. Những tồn tại:

Chưa đa dạng hóa hình thức phổ biến mục tiêu tới HS-SV và xã hội.

4. Kế hoạch hành động:

Đa dạng hóa hình thức phổ biến mục tiêu: tuyên truyền giáo dục mục tiêu trong tuần lễ giáo dục công dân vào đầu khóa học cho sinh viên - học sinh, in trên các ấn phẩm giới thiệu trường...

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

Mở đầu:

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM có cơ cấu tổ chức được xây dựng theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng và được cụ thể hóa trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường đều được thể chế bằng văn bản và được triển khai thực hiện nghiêm túc. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể và các tổ chức xã hội trong trường phối hợp hoạt động hiệu quả, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường cao đẳng được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng và được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Cơ cấu tổ chức của trường Cao Đẳng Kinh Tế TP.HCM được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng [H2.02.01.01] và được cụ thể hoá trong “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM” [H2.02.01.02]. Các đơn vị được Quy định rõ chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm quyền hạn, quan hệ và lề lối làm việc trong trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM. Cụ thể cơ cấu tổ chức của trường Cao Đẳng Kinh Tế TP.HCM gồm:

1. Lãnh đạo : Hiệu trưởng và 02 Hiệu phó

2. Các bộ phận nghiệp vụ :

Ngày 14/6/2005 trường thành lập 05 phòng: Phòng Đào tạo; Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Quản trị – Thiết bị; Phòng Kế toán - Tài vụ; Phòng Quản lý Học sinh - sinh viên [H2.02.01.03]. Ngày 01/09/2010 trường thành lập Phòng Thanh tra. [H2.02.01.04]

3. Các bộ phận chuyên môn:

Ngày 14/6/2005 trường thành lập 03 khoa: Khoa Tài chính - Kế toán; Khoa Quản trị kinh doanh; Khoa Thương mại - Du lịch và 03 Tổ bộ môn trực thuộc: Tổ Mác-Lênin, Tổ Giáo dục Pháp luật - Thể chất, Tổ Tin học - Ngoại ngữ [H2.02.01.05].

Ngày 27/6/2005 thành lập 08 Bộ môn trực thuộc các khoa [H2.02.01.06].

Ngày 01/9/2005 tách Tổ bộ môn Tin học - Ngoại ngữ thành 02 tổ: Tổ bộ môn Tin học và Tổ bộ môn Ngoại ngữ [H2.02.01.07].

Do nhu cầu phát triển, nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở thêm ngành Tiếng Anh, chuyên ngành Anh văn thương mại. Ngày 30/7/2008 trường đã chuyển Tổ bộ môn Ngoại ngữ thành Khoa Ngoại ngữ gồm 2 Tổ bộ môn trực thuộc [H2.02.01.08].

Như vậy, hiện nay bộ phận chuyên môn của trường gồm 04 Khoa, 03 Tổ bộ môn trực thuộc trường và 10 Tổ bộ môn trực thuộc các khoa.

4. Hội đồng Khoa học và đào tạo [H2.02.01.09] và các Hội đồng tư vấn khác theo nhu cầu thực tế [H2.02.01.10].

5. Các bộ phận phục vụ và dịch vụ đào tạo gồm: Thư viện và Y tế.

2. Những điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức của trường được thực hiện phù hợp với tính chất đặc điểm, nhiệm vụ và khối lượng công việc của trường theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng và được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của trường, được hoàn thiện và mở rộng dần theo nhu cầu của sự phát triển nhà trường.

3. Những tồn tại:

Trường chưa thành lập Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế là do

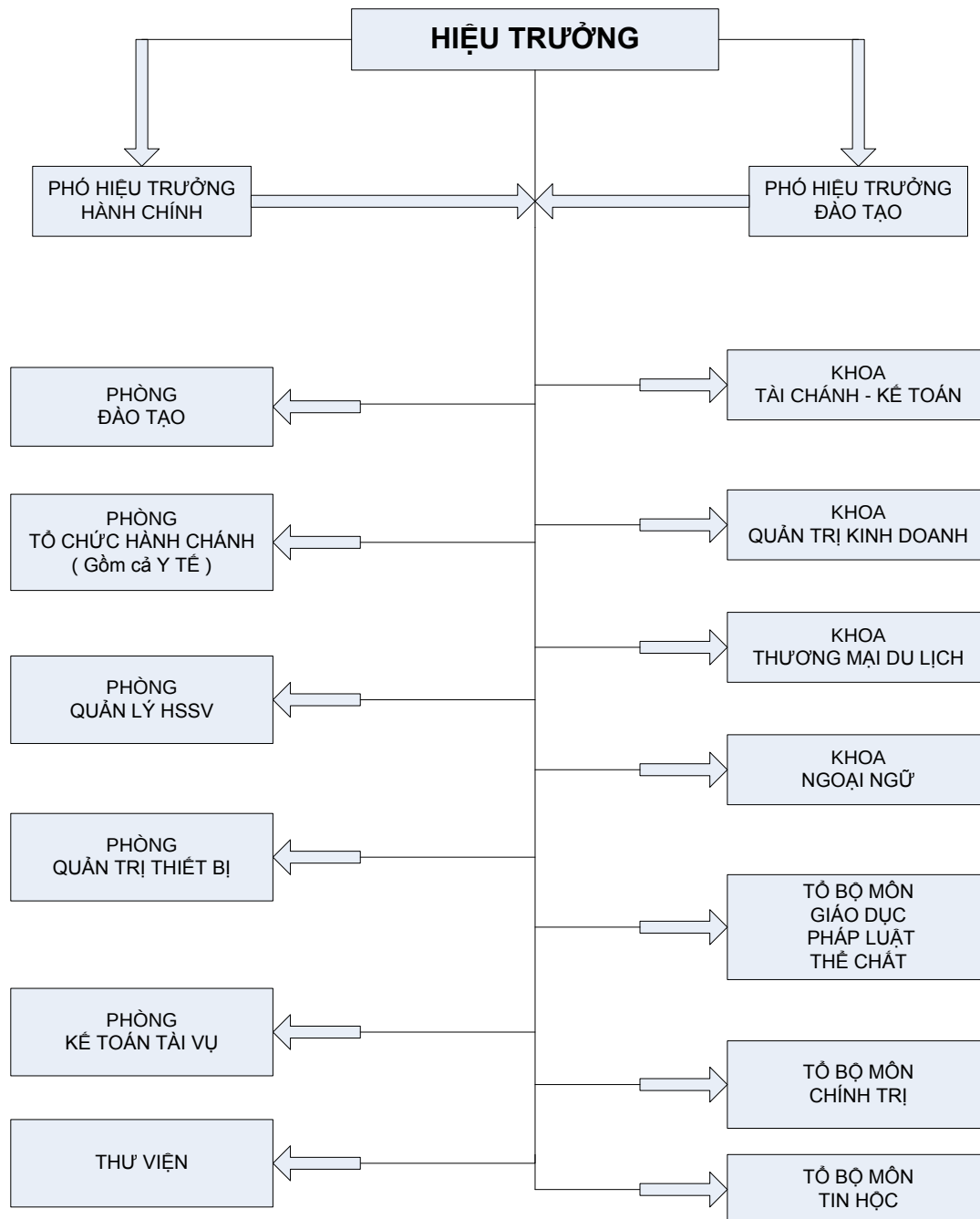
hạn chế về nhân sự và cơ sở vật chất .

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2011, trường thành lập Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP.HCM



Tiêu chí 2.2. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định.

1. Mô tả:

Cơ cấu lãnh đạo trường gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng, phù

hợp quy mô hoạt động của trường và phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động trường [H2.02.02.01]. Cả ba thành viên đều đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Điều lệ trường cao đẳng [H2.02.02.02, H2.02.02.03]. Có sự phân định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm quyền hạn của mỗi thành viên; về quan hệ và lề lối làm việc trong lãnh đạo trường, giữa lãnh đạo trường với các đơn vị [H2.02.02.04].

Hiệu trưởng với tư cách là người đại diện theo pháp luật của trường, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của trường đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, từng bước đưa hoạt động của trường đi vào ổn định và phát triển, được cấp trên và đồng nghiệp trong trường tín nhiệm [H2.02.02.05, H2.02.02.06] đạt được nhiều danh hiệu thi đua các cấp và được vinh dự nhận Huân chương lao động hạng 3 năm 2010 [H2.02.02.07].

Hai Phó Hiệu trưởng với tư cách là người giúp việc Hiệu trưởng đã hoàn thành chức trách nhiệm vụ của mình, đạt được nhiều danh hiệu thi đua như Bằng khen của Thủ tướng, của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố [H2.02.02.08, H2.02.02.09].

Dưới sự quản lý và điều hành linh hoạt của lãnh đạo trường, tập thể Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM luôn hoàn thành nhiệm vụ, đã vinh dự đón nhận Bằng Khen Thủ tướng và Bằng khen của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, Huân chương lao động hạng 3 năm 2010 [H2.02.02.10].

2. Những điểm mạnh:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định.

Do Hiệu trưởng kiêm Bí thư Chi bộ và là Đảng ủy viên của Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM nên giúp lãnh đạo trường lĩnh hội, quán triệt và triển khai chủ trương, nghị quyết của Đảng ủy cấp trên và Chi bộ, Cấp ủy nhà trường một cách nhanh chóng, kịp thời và chính xác, có hiệu quả.

Lãnh đạo trường luôn có sự nhất trí cao.

3. Những tồn tại:

Tuổi đời bình quân lãnh đạo trường cao, 02 Phó Hiệu trưởng cận tuổi nghỉ hưu.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2010 - 2011, nhà trường bổ nhiệm thêm 02 Phó Hiệu trưởng.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.3. Hội đồng Khoa học và đào tạo của trường có đủ thành phần và thực hiện được chức năng theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng.

1. Mô tả:

Ngày 2/7/2005 Hội đồng Khoa học và đào tạo được thành lập với 15 thành viên gồm có: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các Trưởng khoa, một số Trưởng phòng, Trưởng bộ môn, một số giảng viên có kinh nghiệm [H2.02.03.01] phù hợp với quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM [H2.02.03.02]. Ngay sau khi thành lập Hội đồng Khoa học và đào tạo, để có thể thực hiện được chức năng theo như quy định của Điều lệ trường cao đẳng [H2.02.03.03] nhà trường đã ra Quyết định ban hành quy chế tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học và phổ biến đến các đơn vị trong trường để triển khai [H2.02.03.04]. Hội đồng Khoa học và đào tạo đảm bảo họp ít nhất 6 tháng một lần [H2.02.03.05] do Chủ tịch triệu tập, nội dung các cuộc họp thường đề thông qua các đề cương nội dung chương trình cho các môn học mới, ngành học mới, đánh giá, đề tài nghiên cứu khoa học [H2.02.03.06].

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường đã thành lập Hội đồng Khoa học và đào tạo của trường có đủ thành phần theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng.

3. Những tồn tại:

Hoạt động của Hội đồng khoa học và đào tạo của trường còn hạn chế vì chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn về phát triển giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ của trường.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2011, Hội đồng Khoa học và đào tạo của trường xây dựng kế hoạch 5 năm về phát triển giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.4. Các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa được tổ chức phù hợp với yêu cầu của trường, có cơ cấu và nhiệm vụ theo quy định.

1. Mô tả :

Cơ cấu tổ chức của trường gồm 06 phòng (Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Quản trị - Thiết bị, Phòng Kế toán - Tài vụ, Phòng Quản lý Học sinh - sinh viên, Phòng Thanh tra), 04 Khoa (Khoa Tài chính – Kế toán, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Thương mại - Du lịch, Khoa Ngoại ngữ) và 03 tổ bộ môn trực thuộc trường (Tổ bộ môn Mác-Lênin, Tổ bộ môn Giáo dục Pháp luật - Thể chất, Tổ bộ môn Tin học) [H2.02.04.01].

Đứng đầu các phòng là Trưởng phòng, giúp việc cho Trưởng phòng là các Phó Trưởng phòng. Các Trưởng và Phó trưởng phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm và miễn nhiệm [H2.02.04.02]. Các phòng chức năng có nhiệm vụ tổ chức, quản lý và thực hiện các công việc được phân công, đồng thời tham mưu, đề xuất ý kiến về các công việc của nhà trường; quản lý nhân viên của đơn vị.

Đứng đầu các khoa là Trưởng khoa, giúp việc cho các Trưởng khoa là các Phó Trưởng khoa. Các Trưởng và Phó khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm và miễn nhiệm [H2.02.04.03]. Có 10 Tổ bộ môn trực thuộc khoa. Đứng đầu các tổ bộ môn trực thuộc khoa là Tổ trưởng do Hiệu trưởng bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng khoa [H2.02.04.04].

Đứng đầu các Tổ bộ môn trực thuộc trường là các Tổ trưởng bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm và miễn nhiệm [H2.02.04.05] .

Các Khoa và Tổ chuyên môn chịu trách nhiệm thực hiện tiến độ giảng dạy, học tập, tham gia xây dựng nội dung chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy liên quan đến chuyên ngành đào tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy, tham gia NCKH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và trình độ của giảng viên .

Các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa được tổ chức phù hợp với yêu cầu của trường [H2.02.04.06]; có cơ cấu và nhiệm vụ được quy định cụ thể trong “Quy định tạm thời về chức năng

nhiệm vụ, trách nhiệm quyền hạn, quan hệ và lề lối làm việc trong trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM” [H2.02.04.07]; theo quy định và phù hợp với Điều lệ trường cao đẳng (Điều 20, 21, 22) [H2.02.04.08].

2. Những điểm mạnh:

Các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa được tổ chức phù hợp với yêu cầu của trường, có cơ cấu và nhiệm vụ được quy định cụ thể trong Quy định tạm thời về chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm quyền hạn, quan hệ và lề lối làm việc trong trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM và phù hợp với Điều lệ trường cao đẳng.

3. Những tồn tại:

Thiếu một số phòng chức năng theo quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM như Phòng Quản lý Khoa học và Quan hệ quốc tế .

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2011, nhà trường thành lập Phòng Quản lý Khoa học và Quan hệ quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.5. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các cơ sở thực hành, nghiên cứu khoa học của trường được thành lập và hoạt động theo quy định.

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM thành lập Hội đồng Khoa học [H2.02.05.01] để thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo các hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn [H2.02.05.02].

Trường có thành lập phòng vi tính gồm 286 máy vi tính để thực hành kỹ năng tin học cơ bản, tin học quản lý, kế toán tin học,... do 02 nhân viên chịu trách nhiệm, bảo dưỡng và hướng dẫn thực hành. [H2.02.05.03].

2. Những điểm mạnh:

Trường có Hội đồng khoa học chỉ đạo các nhiệm vụ NCKH; có cơ sở thực hành vi tính được thành lập và hoạt động theo quy định.

3. Những tồn tại:

Trường đã xây dựng phòng Lab để thực hành tiếng Anh nhưng sử dụng không hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động:

Hàng năm, trường đầu tư kinh phí trang bị bổ sung, thay thế máy vi tính; đầu sách nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển.

Năm 2011, khôi phục phòng Lab và đưa vào hoạt động 1 cách có hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.6. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Để đảm bảo chất lượng giáo dục nhà trường đã thành lập Ban kiểm tra chuyên môn, thành phần bao gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, Trưởng phòng đào tạo, các Trưởng khoa, Tổ trưởng bộ môn là những cán bộ đầu ngành có trình độ chuyên môn, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy [H2.02.06.01; H2.02.06.02]. Qua hoạt động dự giờ theo kế hoạch [H2.02.06.03], tổ chức giảng thử cho GV mới, GV được phân công giảng môn mới [H2.02.06.04] và hội thi giáo viên dạy giỏi [H2.02.06.05], Ban kiểm tra chuyên môn góp ý, đánh giá giúp các GV được dự giờ và những GV dự giờ khác học tập, rút kinh nghiệm nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng giảng dạy [H2.02.06.06].

Ngày 01/09/2010, Trường đã thành lập Phòng Thanh tra [H2.02.06.07]. Phòng Thanh tra đã đề ra kế hoạch thanh tra từng năm học [H2.02.06.08], xây dựng Quy chế tổ chức hoạt động công tác thanh tra [H2.02.06.09] và đã thực hiện thanh tra các hoạt động theo kế hoạch [H2.02.06.10].

Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá giáo dục bao gồm các cán bộ có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong công tác quản lý chỉ đạo và kiểm tra đánh giá [H2.02.06.11].

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục đã chia thành 3 nhóm chuyên trách, mỗi nhóm chuyên trách có nhóm trưởng phụ trách một số tiêu chuẩn [H2.02.06.12].

Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành họp phân công chức năng nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và đã tiến hành hội thảo lần thứ nhất [H2.02.06.13].

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường đã thành lập được Ban kiểm tra chuyên môn và Hội đồng tự đánh giá chất lượng, bao gồm các cán bộ có năng lực chuyên môn, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, có kinh nghiệm trong công tác.

Hoạt động đánh giá của Ban kiểm tra chuyên môn được duy trì thường xuyên góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường.

3. Những tồn tại:

Nhà trường chưa thành lập được trung tâm hoạt động chuyên trách theo dõi, đánh giá chất lượng hàng năm về các mặt hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2011, trường thành lập Ban chuyên trách theo dõi, đánh giá chất lượng các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá : đạt

Tiêu chí 2.7. Tổ chức Đảng trong trường cao đẳng phát huy được vai trò lãnh đạo và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

1. Mô tả:

Chi bộ trường Cao Đẳng Kinh tế TP.Hồ Chí Minh có 33 đảng viên trong đó có 02 đảng viên là sinh viên học sinh [H2.02.07.01] giữ vai trò lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể trong trường.

Chi ủy, Chi bộ luôn đảm bảo chế độ sinh hoạt, họp định kỳ hàng tháng [H2.02.07.02]. Thông qua sinh hoạt hàng tháng, Chi ủy triển khai cho toàn thể đảng viên trong chi bộ các nội dung văn bản (chỉ thị, nghị quyết,...) của cấp trên để quán triệt và vận dụng vào công việc, trách nhiệm được giao [H2.02.07.03, H2.02.07.04]. Cấp ủy gồm có 5 đồng chí có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo, có uy tín đối với quần chúng, giữ chức vụ cao ở các đơn vị Phòng, Khoa, Tổ trực thuộc.

Hàng năm, Chi bộ tiến hành phân loại đảng viên, được Đảng ủy cấp trên công nhận 100% đạt tiêu chuẩn là Đảng viên đủ tư cách và 1 số Đảng viên xuất sắc được đề nghị biểu dương khen thưởng cấp trên. Đối với Chi bộ, nhiệm kỳ 2005 - 2010 được công nhận là "Chi bộ trong sạch – vững mạnh" trong 4 năm [H2.02.07.05].

2. Những điểm mạnh:

Tổ chức Đảng trong trường Cao Đẳng Kinh tế TP.Hồ Chí Minh phát huy được vai trò lãnh đạo và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

3. Những tồn tại:

Công tác phát triển đảng chưa đồng đều giữa các bộ phận trong trường.

4. Kế hoạch hành động:

Ưu tiên kết nạp hoặc bổ sung đảng viên vào các bộ phận chưa có đảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.8. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường cao đẳng góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hoạt động theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả:

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật [H2.02.08.01]. Trong những năm qua, hoạt động của các đoàn thể trong trường góp phần thực hiện tốt mục tiêu, nguyên lý giáo dục cùng với nhà trường [H2.02.08.02].

Công đoàn trường đã tổ chức được một số phong trào thiết thực, thu hút và động viên được đoàn viên công đoàn tham gia. Thông qua các phong trào thi đua "Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm" phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt", phong trào xây dựng "Quỹ vì người nghèo", phong trào "Giỏi việc trường – Đảm việc nhà", hưởng ứng cuộc vận động " Hai không: Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục".... do Công đoàn trường phát động, đã có tác dụng tích cực góp phần thúc đẩy toàn diện các hoạt động giáo dục trong trường [H2.02.08.03]. Nhiều hoạt động chức năng và phong trào của Công đoàn phát triển hiệu quả như: giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, qua việc tham gia các hội

đồng cấp trường có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của cán bộ, viên chức [H2.02.08.04]. Công đoàn Trường cũng đã làm tốt chức năng là người kiểm tra giám sát hoạt động của chính quyền, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người lao động [H2.02.08.05] và đã đạt được những thành tích như Cờ thi đua tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam, Bằng khen của Công Đoàn Giáo dục Việt Nam... [H2.02.08.06] .

Đoàn TNCS HCM của trường luôn có những hoạt động sôi nổi, bổ ích, đem lại hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao tinh thần và ý thức trách nhiệm của từng đoàn viên, góp phần thực hiện tốt mục tiêu đào tạo của trường [H2.02.08.07]. Hội Sinh viên của trường đã đóng góp tích cực trong việc đề xuất các ý kiến với lãnh đạo trường về mọi hoạt động liên quan đến sinh viên, giúp sinh viên an tâm học tập, tạo môi trường rèn luyện nhân cách, trau dồi lý tưởng và từ đó ổn định tình hình sinh viên [H2.02.08.08]. Nhiều CLB học thuật đã tổ chức tốt các hoạt động phù hợp với chuyên môn, ngành nghề như các cuộc thi kiến thức chuyên ngành, các buổi báo cáo chuyên đề, tham quan thực tế đã tạo điều kiện tốt trong quá trình tự đào tạo của sinh viên [H2.02.08.09]. Đoàn TNCS HCM của trường được Thành Đoàn xếp loại Tiên tiến [H2.02.08.10].

2. Những điểm mạnh:

Nhờ sự phối hợp chặt chẽ hoạt động của Đảng, chính quyền và các đoàn thể, trường hoạt động ổn định và ngày càng phát triển góp phần thực hiện tốt mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Các hoạt động đoàn thể đạt nhiều thành tích và được cấp trên đánh giá cao.

3. Những tồn tại:

Các hoạt động đoàn thể đôi lúc còn thể hiện tính phong trào, một vài hoạt động chưa đạt được chiều sâu như mong muốn; chưa thực hiện đầy đủ việc báo cáo cho Hội Sinh viên TP theo quy định.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2010, hoạt động của các tổ chức đoàn thể sẽ đặc biệt chú trọng về chiều sâu và gắn kết chặt chẽ với chính quyền trong việc nâng cao hiệu quả, chất

lượng thực thi nhiệm vụ chính trị của trường & thực hiện tốt việc nộp báo cáo cho Hội Sinh viên TP theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.9. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả:

Đội ngũ cán bộ quản lý từ cấp Khoa, Phòng, Tổ trực thuộc trường trở lên hiện có 21 người, trong đó 01 tiến sĩ, 13 thạc sĩ, 7 người có trình độ đại học. Toàn bộ CBQL của trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, một số đã được bồi dưỡng về quản lý Nhà nước và lý luận chính trị, có kinh nghiệm trong công tác quản lý [H2.02.09.01]. Cán bộ quản lý của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng [H2.02.09.02]. Hàng năm, CBQL của trường đều đạt Lao động tiên tiến trong đó phần lớn đạt Chiến sĩ thi đua các cấp và được cấp trên khen thưởng [H2.02.09.03, H2.02.09.04].

2. Những điểm mạnh:

Đội ngũ CBQL của trường có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm và uy tín, có trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Những tồn tại:

Một số CBQL chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước, lý luận chính trị.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2009 - 2010, nhà trường cử tiếp số CBQL còn lại học bồi dưỡng lý luận chính trị cao cấp – hành chính .

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 3. Chương trình giáo dục

Mở đầu:

Chương trình giáo dục của Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của nhà trường,

đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Hàng năm, Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM đã rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới chương trình giáo dục trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo yêu cầu phát triển của xã hội và của người học. Các chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức đào tạo và giữa các trường.

Tiêu chí 3.1. Chương trình giáo dục của trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình giáo dục được xây dựng với sự tham gia của các giảng viên và cán bộ quản lý.

1. Mô tả:

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM thành lập Hội đồng Khoa học [H3.03.01.01] gồm các giảng viên và cán bộ quản lý có chuyên môn cao, nhằm tư vấn cho Hiệu trưởng các hoạt động về khoa học và đào tạo trong đó có nội dung xây dựng các chương trình đào tạo bậc cao đẳng.

Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổ bộ môn trực thuộc các Khoa đã xây dựng chương trình đào tạo hệ cao đẳng. Các chương trình đào tạo đều được thông qua Khoa [H3.03.01.02] & thông qua Hội đồng Khoa học của trường [H3.03.01.03] trước khi gửi ra Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đến nay trường đã xây dựng chương trình đào tạo cho 5 chuyên ngành thuộc 4 ngành [H3.03.01.04]. Cụ thể:

- Ngành Kinh doanh quốc tế có 1 chuyên ngành Kinh doanh quốc tế.
- Ngành Quản trị kinh doanh có 2 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh và Quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Ngành Kế toán có 1 chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp.
- Ngành Tiếng Anh có 1 chuyên ngành Anh văn thương mại.

Từ năm 2008, căn cứ vào chương trình đào tạo bậc trung cấp và chương trình khung bậc cao đẳng liên thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ Trung cấp chuyên nghiệp lên Cao đẳng đối với 2 ngành Quản trị kinh doanh và Kế toán [H3.03.01.05].

2. Những điểm mạnh:

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo cho các ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng hệ đào tạo của trường. Các chương trình này được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo .

Các chương trình giáo dục đều được xây dựng trên cơ sở có ý kiến đóng góp của các giảng viên và cán bộ quản lý.

3. Những tồn tại:

Chương trình đào tạo còn ít so với nguồn lực, chưa tương xứng với tiềm năng của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2009 - 2010, trường sẽ xây dựng hai chương trình đào tạo cho ngành Hệ thống thông tin và Tài chính - Ngân hàng.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.2. Chương trình giáo dục có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ cao đẳng và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả:

Trường đã xác định mục tiêu đào tạo chung đối với từng trình độ đào tạo: cao đẳng, liên thông từ TCCN lên cao đẳng. Mỗi chương trình giáo dục của trường cũng quy định rõ mục tiêu chung của ngành và mục tiêu cụ thể của mỗi chuyên ngành, các kỹ năng cần đạt được sau đào tạo, nơi làm việc khi tốt nghiệp [H2.03.02.01].

Chương trình giáo dục của trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung và văn bản hướng dẫn thiết kế chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.03.02.02]. Do đó, các chương trình đều:

- Đảm bảo được khối kiến thức tối thiểu của các ngành đào tạo, gồm các kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm: kiến thức cơ sở khối ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp.
- Có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính hệ thống giữa các học phần.

Có đưa kỹ năng tin học, ngoại ngữ vào chương trình đào tạo: học phần Tin học kế toán của ngành Kế toán, học phần Thực hành Quản trị trên máy vi tính của ngành Quản trị, học phần Tiếng Anh thương mại của từng ngành đào tạo.

Khi nhu cầu xã hội cần nhân lực trình độ cao đẳng cho một ngành mới, nhà trường đã kịp thời tổ chức hoạt động chuyên môn để tiến hành xây dựng chương trình đào tạo ngành mới nhằm đáp ứng thị trường lao động và đưa vào đào tạo từ năm học 2008-2009 hai ngành Kinh doanh quốc tế và Tiếng Anh [H2.03.02.03].

Để đáp ứng nhu cầu của người học trường đã xây dựng chương trình giáo dục cho hệ chính quy liên thông từ Trung cấp chuyên nghiệp lên Cao đẳng đối với 2 ngành Quản trị kinh doanh và Kế toán [H2.03.02.04].

2. Những điểm mạnh:

Chương trình giáo dục của mỗi ngành, mỗi chuyên ngành đều thể hiện mục tiêu rõ ràng gồm mục tiêu chung, mục tiêu đặc thù và các kỹ năng cần đạt được.

Chương trình được thiết kế một cách có hệ thống, cấu trúc hợp lý theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có bổ sung những học phần cần thiết để đáp ứng yêu cầu trang bị kiến thức mới, hiện đại.

Các chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu kiến thức và kỹ năng của người học và thị trường lao động .

3. Những tồn tại:

Chương trình giáo dục của trường chưa linh hoạt, mềm dẻo, làm giảm khả năng tích cực, chủ động của người học, biểu hiện là chưa có các học phần tự chọn trong các chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2010 - 2011, theo lộ trình đào tạo tín chỉ trường sẽ thiết kế lại các chương trình đào tạo của bậc Cao đẳng hệ chính quy áp dụng học chế tín chỉ theo hướng có nhiều môn học tự chọn.

Trong các năm học 2009 - 2010, trường sẽ tiến hành xây dựng thêm ngành Tài chính – Ngân hàng, Kinh doanh thương mại và Hệ thống thông tin để đáp ứng nhu cầu của xã hội, của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.3. Các học phần, môn học trong chương trình có đủ đề cương chi tiết, tập bài giảng hoặc giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của học phần, môn học.

1. Mô tả:

Giáo trình, tài liệu tham khảo, các đề cương chi tiết, tập bài giảng có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo. Chính vì vậy trong nhiều năm qua, Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM đã chú trọng đến việc mua sắm giáo trình, tài liệu tham khảo nhằm đáp ứng mục tiêu của các học phần, môn học [H3.03.03.01].

Thư viện trường đảm bảo đủ các chủng loại giáo trình và tài liệu tham khảo, các tạp chí chuyên ngành về Tài chính Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế quốc tế, Du lịch lữ hành, Tin học, Anh văn... phục vụ các chuyên ngành đào tạo và phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên và học tập của sinh viên [H3.03.03.02].

Cùng với việc xây dựng chương trình đào tạo cho các ngành học các giảng viên phải biên soạn các tài liệu tương ứng như đề cương chi tiết [H3.03.03.03], tập bài giảng [H3.03.03.04]. Trong đề cương chi tiết cũng quy định rõ mục tiêu, kỹ năng đạt được của từng học phần.

2. Những điểm mạnh:

Có đủ đề cương chi tiết, tập bài giảng là điều kiện bắt buộc đối với các giảng viên giảng dạy. Ngoài ra, trường có đủ các chủng loại sách phong phú, đủ số lượng đáp ứng về cơ bản yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập của GV và SV, đáp ứng mục tiêu đào tạo.

3. Những tồn tại :

Chưa đẩy mạnh các Khoa, Tổ bộ môn viết giáo trình các môn học.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2010, khuyến khích các Khoa, Tổ bộ môn viết giáo trình các môn học theo quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.4. Chương trình giáo dục được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành.

1. Mô tả:

Mỗi năm, nhà trường đều có yêu cầu các khoa rà soát lại chương trình giáo dục để có những bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp nhu cầu xã hội, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành [H3.03.04.01]. Việc chỉnh sửa bổ sung dựa trên cơ sở ý kiến của các giảng viên trực tiếp giảng dạy thông qua các Tổ, Khoa. Khoa gửi Bản đề nghị bổ sung điều chỉnh các môn học cho từng chương trình giáo dục [H3.03.04.02] để thông qua Hội đồng khoa học [H3.03.04.03].

2. Những điểm mạnh:

Hàng năm, các Khoa, Tổ, các giảng viên thực hiện cập nhật, bổ sung, điều chỉnh chương trình giáo dục.

3. Những tồn tại:

Chưa điều tra thăm dò các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác về chương trình giáo dục để nắm bắt, điều chỉnh kịp thời các nội dung chương trình giáo dục.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung điều chỉnh chương trình giáo dục cho phù hợp với nhu cầu xã hội dựa trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến của các trường Cao đẳng trong nước và quốc tế.

Hàng năm, tổ chức lấy ý kiến của SV tốt nghiệp (nhân dịp phát bằng tốt nghiệp).

Định kỳ, trong một chu kỳ kiểm định nhà trường tổ chức 1 lần lấy ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác về chương trình giáo dục.

5. Tự đánh giá: chưa đạt

Tiêu chí 3.5. Chương trình giáo dục được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình giáo dục khác.

1. Mô tả:

Các chương trình giáo dục của Trường được xây dựng theo hướng liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình giáo dục khác. Từ năm 2008-2009, Trường đã xây dựng và triển khai đào tạo một số chương trình liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Cao đẳng của hai ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh hệ chính quy [H3.03.05.01]. Các Khoa, Tổ bộ môn căn cứ vào chương trình giáo dục của bậc trung cấp, bậc cao đẳng hệ chính quy và bậc đại học; nội dung và thời lượng môn học theo từng chuyên ngành, ngành để xây dựng chương trình liên thông mang tính kế thừa, nâng cao kiến thức đã học và bổ sung kiến thức của các môn học mới. Các chương trình đều được thông qua Hội đồng Khoa học trước khi gửi ra Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.03.05.02].

Chương trình giáo dục liên thông của Trường được thiết kế theo hướng đảm bảo tính khoa học, logic giữa các trình độ đào tạo từ trình độ Trung cấp lên trình độ Cao đẳng và lên Đại học vì thế, trường đã được Đại học Kinh tế ký kết đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học hệ chính quy [H3.03.05.03], giúp người học tiếp thu kiến thức một cách hệ thống.

2. Những điểm mạnh:

Trường đã xây dựng và triển khai được chương trình giáo dục liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Cao đẳng của hai ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh.

3. Những tồn tại:

Số ngành học liên thông chưa được phong phú so với nhu cầu thực tế.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2009 - 2010, Trường sẽ xây dựng chương trình giáo dục liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Cao đẳng cho ngành Kinh doanh quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.6. Chương trình giáo dục được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả:

Sau mỗi năm học, nhằm cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục, chương trình giáo dục được các Tổ chuyên môn và các Khoa căn cứ vào thực tế giảng dạy, định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình giáo dục [H3.03.06.01]. Những vấn đề còn bất cập, chưa phù hợp đã được các giảng viên và Phòng Đào tạo có ý kiến bổ sung & thông qua Hội đồng khoa học để điều chỉnh kịp thời nhằm từng bước hoàn thiện chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra [H3.03.06.02]. Do trường mới được nâng cấp lên Cao đẳng nên chương trình giáo dục còn phù hợp, chỉ điều chỉnh tên học phần Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành là học phần Kế toán chi phí [H3.03.06.03].

2. Những điểm mạnh:

Chương trình giáo dục của trường được đánh giá theo định kỳ làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Những tồn tại:

Việc cải tiến chất lượng giáo dục dựa trên kết quả đánh giá còn chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2009 - 2010, Trường có kế hoạch cụ thể trong việc cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục trên cơ sở kết quả của việc tự đánh giá và bước đầu triển khai chương trình giáo dục theo học chế tín chỉ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đào tạo

Mở đầu:

Trường đã chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các Quy chế, Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tổ chức các hoạt động đào tạo: tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập,... Kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp và kết quả học tập được nhà trường thông báo kịp thời trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Tiêu chí 4.1. Công tác tuyển sinh được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo .

1. Mô tả:

Hàng năm căn cứ vào chỉ tiêu được giao, nhà trường tiến hành công tác tổ chức thi, xét tuyển sinh (từ kỳ thi năm 2009) theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.01.01]. Việc tổ chức thi, xét tuyển sinh được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và trong tài liệu “Những điều cần biết” về tuyển sinh hàng năm để thí sinh biết và đăng ký. Trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh để triển khai công tác tuyển sinh đúng quy trình và quy định [H4.04.01.02]. Đồng thời nhà trường cũng thông báo cho thí sinh biết quy trình và thời gian khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi, xét tuyển, nhận giấy báo thi, nhận kết quả điểm thi và giấy báo trúng tuyển [H4.04.01.03, H4. 04.01.04].

Sau khi thí sinh đến nhập học, Hội đồng tuyển sinh nhà trường ra quyết định công nhận danh sách trúng tuyển theo số lượng thực tế nhập học [H4.04.01.05].

Việc tuyển sinh hoàn tất, nhà trường tiến hành báo cáo toàn bộ kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo theo các tiêu chí do Bộ quy định [H4.04.01.06].

Mọi thông tin về công tác tuyển sinh được Phòng Đào tạo cập nhật thường xuyên trên website của nhà trường [H4.04.01.07].

Công tác tuyển sinh của Trường được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Những điểm mạnh:

Quá trình thực hiện công tác tuyển sinh, luôn bám sát quy chế, thực hiện đúng các quy định và lắng nghe ý kiến chỉ đạo kịp thời, qua đó đã đảm bảo được tính công bằng và khách quan trong tuyển sinh.

3. Những tồn tại: không có.

4. Kế hoạch hành động :

Từ kỳ thi năm 2009, nhà trường tiến hành công tác tuyển sinh theo hình thức xét tuyển, từ đó quá trình tuyển sinh sẽ đơn giản hơn, tính chủ động cao hơn,

việc thực hiện quy chế tuyển sinh thuận lợi hơn, đồng thời vẫn đảm bảo được tính công bằng và khách quan cho thí sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.2. Công khai số liệu thống kê hàng năm về người tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

1. Mô tả:

Trường đã thành lập Hội đồng tốt nghiệp xét và công nhận tốt nghiệp cho người học sau khi có kết quả thi tốt nghiệp [H4.04.02.01]. Trường đã công khai số liệu sinh viên tốt nghiệp hàng năm trong website của trường [H4.04.02.02]; đồng thời Trường gửi số liệu về người tốt nghiệp tới Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo [H4.04.02.03].

Sau khi có kết quả tốt nghiệp, nhà trường tổ chức lễ Tốt nghiệp cho sinh viên. Trong buổi lễ, nhà trường tiến hành lập phiếu điều tra, khảo sát một số nội dung về việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo và thu nhập của sinh viên, học sinh [H4.04.02.04]. Số liệu sinh viên có việc làm của các khóa như sau:

- Khóa 1: 49%
- Khóa 2: 77, 92%

Số liệu sinh viên có việc làm và có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo được công khai trong website của trường (trang Phòng Quản lý HSSV) [H4.04.02.05].

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường đã công khai số liệu thống kê hàng năm về người tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

3. Những tồn tại:

Thời điểm tiến hành khảo sát chưa thật sự phù hợp và sát với yêu cầu cần thống kê về việc làm và làm việc đúng ngành nghề của sinh viên khi ra trường. Chưa thật sự tạo được mối quan hệ mật thiết giữa nhà trường với sinh viên đã tốt nghiệp, để từ đó có thể tiếp nhận các thông tin phục vụ cho quá trình đào tạo cũng như để đáp ứng cho nhu cầu xã hội.

4. Kế hoạch hành động :

Từ năm 2010, nhà trường thiết lập kênh liên lạc với sinh viên ra trường hiệu quả hơn cho việc điều tra thông kê có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo vào thời gian thích hợp. Trong một chu kỳ kiểm định, trường sẽ lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, doanh nghiệp một lần về các mặt, trong đó có cả việc đánh giá chất lượng sinh viên, trong công việc thực tế. Trên cơ sở đó, nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh lại nội dung chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, ngành nghề đào tạo để tăng số lượng sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay và phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

5. Tự đánh giá : Đạt

Tiêu chí 4.3. Tổ chức đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục của trường đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

1. Mô tả:

Trường đã tổ chức đào tạo theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục của từng ngành cụ thể [H4.04.03.01]. Để triển khai thực hiện tốt việc đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục, đầu năm học Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch giảng dạy của năm học cho toàn trường [H4.04.03.02] và thời khóa biểu [H4.04.03.03]. Từ đó các Khoa, Tổ lên kế hoạch phân công giảng dạy cho từng giảng viên [H4.04.03.04]. Hàng ngày giảng viên lên lớp ghi tên bài giảng, số tiết thực hiện và ký tên vào sổ lên lớp [H4. 04.03.05].

Tại buổi làm lễ tốt nghiệp hàng năm, trường tiến hành khảo sát học sinh, sinh viên về nội dung chương trình giáo dục. Kết quả điều tra về tình hình sinh viên sau tốt nghiệp cho thấy đa số sinh viên tốt nghiệp ra trường được đánh giá có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng phù hợp với nhu cầu của xã hội [H4.04.03.06].

2. Những điểm mạnh:

Trường đã tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

3. Những tồn tại:

Số ngành đào tạo chưa được phong phú so với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

Chưa khảo sát đối với cựu sinh viên và người sử dụng lao động, từ đó có thể tiếp nhận các thông tin về nội dung chương trình đào tạo để ngày càng đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2009 - 2010 Trường hoàn tất thủ tục xin đào tạo bậc Cao đẳng cho 2 ngành Tài chính – Ngân hàng và Hệ thống thông tin .

Trong một chu kỳ kiểm định, trường sẽ tổ chức một lần lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, doanh nghiệp và cựu sinh viên về các mặt. Trên cơ sở đó, nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh lại nội dung chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, ngành nghề đào tạo để tăng số lượng sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay và phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt .

Tiêu chí 4.4. Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

1. Mô tả:

Các phương pháp giảng dạy hiện nay tại trường được áp dụng rất đa dạng tùy theo tính chất của từng môn học phần như: giảng lý thuyết theo phương pháp truyền thống, phương pháp giải quyết tình huống, làm việc theo nhóm, viết tiểu luận, thuyết trình đề tài... Có nhiều học phần giảng viên đã kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau, nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong giảng dạy [H4.04.04.01]. Hầu hết các môn học đều có ứng dụng tin học trong giảng dạy [H4.04.04.02].

Nhằm hỗ trợ cho các phương pháp giảng dạy tích cực, trường đã tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy như: trang bị đèn chiếu, máy tính... [H4.04.04.03]

Nhà trường đã tổ chức hội thảo về “Đổi mới phương pháp giảng dạy” [H4.04.04.04], về ”Vai trò của giảng viên trong việc nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục” [H4.04.04.05], qua đó để các giảng viên trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn và phương pháp giảng dạy.

Hằng năm, trường đều cử các giảng viên mới đi học Sư phạm bậc 1, bậc 2 để nâng cao và đổi mới phương pháp giảng dạy [H4.04.04.06].

Trường đã triển khai việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên qua hình thức đưa tiêu chí về hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên cơ hữu vào hệ thống đánh giá thi đua toàn trường [H4.04.04.07]. Các giảng viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua đều phải có sáng kiến kinh nghiệm về phương pháp dạy học được đưa vào áp dụng trong năm học [H4.04.04.08].

2. Những điểm mạnh:

Trường đã thực hiện việc đổi mới phương pháp giảng dạy, qua đó đã phát huy tính tích cực, chủ động của người học.

Trường quan tâm đầu tư mạnh về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy.

3. Những tồn tại:

Việc đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học chưa được cụ thể hóa và triển khai đồng bộ đối với các hệ, bậc đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Hằng năm tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy qua phiếu điều tra.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.5. Đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù môn học, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo.

1. Mô tả:

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học là hoạt động quan trọng trong quá trình giảng dạy và luôn được nhà trường coi trọng. Căn cứ vào quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.05.01] và tình hình thực tế, trường đã ban hành văn bản hướng dẫn cho một số nội dung cụ thể trong quy chế: quy định trách nhiệm của sinh viên, học sinh trong kỳ thi học kỳ và tốt nghiệp

[H4.04.05.02]; quy định mẫu tiêu đề đề thi thống nhất [H4.04.05.03] đồng thời ban hành hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn, chỉ đạo về công tác ra đề, coi thi [H4.04.05.04], chấm thi [H4.04.05.05] nhằm từng bước đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo công tác tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả của người học được thực hiện một cách thống nhất, đồng bộ, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức học tập và đặc thù môn học.

Trường quy định về cách tính điểm kiểm tra và thi học phần [H4.04.05.06] để thực hiện việc đánh giá kết quả học tập từng học phần theo quá trình. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được đa dạng hóa với các hình thức: thuyết trình, thực hành, bài tập theo nhóm, thảo luận tổ, viết, vấn đáp, hoặc kết hợp các hình thức trên [H4.04.05.07].

Tỷ lệ số môn học của từng ngành đào tạo áp dụng hình thức thi, kiểm tra trắc nghiệm khách quan tính đến cuối khóa học là:

STT	Ngành học	Kiểm tra		Thi	
		Số lượng môn học	Tỷ lệ (%)	Số lượng môn học	Tỷ lệ (%)
1	Kế toán doanh nghiệp	6/35	17,14	12/35	34,28
2	Quản trị kinh doanh	9/48	18,75	19,48	39,58
3	Kinh doanh quốc tế	9/38	23,68	19/38	50
4	Tiếng Anh	8/35	22,85	13/35	37,14

Tỷ lệ số môn học của từng ngành đào tạo áp dụng hình thức thi, kiểm tra dưới dạng bài tập nghiên cứu:

STT	Ngành học	Kiểm tra		Thi	
		Số lượng môn học	Tỷ lệ (%)	Số lượng môn học	Tỷ lệ (%)
1	Kế toán doanh nghiệp	1/35	2,85		
2	Quản trị kinh doanh	5/48	10,41		
3	Kinh doanh quốc tế	2/38	5,26		
4	Tiếng Anh	1/35	2,85		

Tỷ lệ số môn học áp dụng hình thức thi, kiểm tra dưới dạng tiểu luận:

STT	Ngành học	Kiểm tra		Thi	
		Số lượng môn học	Tỷ lệ (%)	Số lượng môn học	Tỷ lệ (%)
1	Kế toán doanh nghiệp				
2	Quản trị kinh doanh	2/48	4,16		
3	Kinh doanh quốc tế	1/38	2,63		
4	Tiếng Anh				

Tỷ lệ số môn học áp dụng hình thức thi, kiểm tra dưới dạng thực hành:

STT	Ngành học	Kiểm tra		Thi	
		Số lượng môn học	Tỷ lệ (%)	Số lượng môn học	Tỷ lệ (%)
1	Kế toán doanh nghiệp			2/35	5,71
2	Quản trị kinh doanh			3/48	6,25
3	Kinh doanh quốc tế			3/38	7,89
4	Tiếng Anh			1/35	2,85

Tỷ lệ số môn học của từng ngành đào tạo áp dụng từ hai hình thức thi, kiểm tra khác nhau trở lên [H4.04.05.08].

STT	Ngành học	Kiểm tra		Thi	
		Số lượng môn học	Tỷ lệ (%)	Số lượng môn học	Tỷ lệ (%)
1	Kế toán doanh nghiệp	3/35	8,57	2/35	5,71
2	Quản trị kinh doanh	6/48	12,5	5/48	10,41
3	Kinh doanh quốc tế	5/38	13,15	2/38	5,26
4	Tiếng Anh	12/35	34,28	9/35	25,71

Công tác coi thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, thống nhất cho các khóa lớp và theo đúng quy chế [H4.04.05.09]. Các kỳ thi tuyển sinh và tốt nghiệp đều có thanh tra thi [H4.04.05.10]. Thi kết thúc học phần được nhà trường tổ chức theo học kỳ gồm một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ [H4.04.05.11]. Lịch thi

của từng lớp, từng kỳ được thông báo rõ ràng trước kỳ thi ít nhất là 02 tuần [H4.04.05.12].

Thực hiện quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM đã triển khai trong toàn trường cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục” của Bộ Giáo dục và Đào tạo” [H4.04.05.13].

2. Những điểm mạnh:

Đã thực hiện đa dạng hóa phương pháp kiểm tra đánh giá.

Đã xây dựng quy trình đánh giá kết quả học tập cho toàn bộ các học phần trong chương trình đào tạo. Hướng ứng và thực hiện chủ trương “Nói không với tiêu cực trong thi cử” trường đã đảm bảo nghiêm túc các kỳ thi.

3. Những tồn tại:

Chưa ban hành văn bản về quy trình về nhận và trả bài thi.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2010 – 2011, trường ban hành văn bản về quy trình về nhận và trả bài thi.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.6. Đảm bảo an toàn, chính xác trong lưu trữ kết quả học tập của người học.

1. Mô tả:

Căn cứ chương III và IV của Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT [H4.04.06.01], nhà trường quy định bảng điểm học phần theo mẫu thống nhất trong toàn trường để giảng viên thực hiện khi ghi điểm kiểm tra, điểm thi, điểm học phần [H4.04.06.02]

Bảng điểm học phần được nhập, in và lưu trữ tại Phòng Đào tạo. Bảng điểm được gửi về các Khoa, Phòng Quản lý HSSV, giáo viên chủ nhiệm các lớp và đăng trên trang web của trường để người học có điều kiện rà soát, kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập của mình [H4.04.06.03]. Cuối mỗi học kỳ và năm học, Phòng Đào tạo sử dụng phần mềm quản lý [H4.04.06.04] tính điểm trung bình

học kỳ, trung bình năm học để xét cấp học bổng và xét điều kiện tiếp tục học, học lại, thôi học theo đúng quy định.

Khi kết thúc khóa học, toàn bộ điểm kiểm tra, thi, điểm học phần, điểm tốt nghiệp được in và lưu trữ an toàn, chính xác và đầy đủ cùng với bảng điểm gốc [H4.04.06.05] .

Trong những năm qua, trường không để xảy ra sai sót trong việc tập hợp và lưu trữ kết quả học tập của người học.

2. Những điểm mạnh:

Việc lưu trữ kết quả học tập của người học được trường thực hiện nghiêm túc, an toàn, chính xác. Không có trường hợp thất lạc điểm thi, kiểm tra của các học phần.

3. Những tồn tại:

Phần mềm quản lý điểm lạc hậu chưa phù hợp với mô hình đào tạo theo tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2010 – 2011, để phù hợp với việc đang triển khai đào tạo tín chỉ, nhà trường cũng từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống phần mềm phục vụ cho công tác quản lý theo học chế tín chỉ trong toàn trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.7 Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả:

Căn cứ vào Quy chế 25 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng đã ban hành Quy định về tổ chức kiểm tra và thi kết thúc học phần [H4.04.07.01]. Kết quả học tập của người học (điểm học phần của tất cả các môn học của kỳ thi chính và kỳ thi phụ; điểm tốt nghiệp;...) được thông báo kịp thời trên bảng thông báo của các khoa và trên trang web của trường để người học có điều kiện rà soát, kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập của mình [H4.04.07.02].

Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H4.04.07.03].

Hệ thống sổ theo dõi việc cấp phát bằng tốt nghiệp rõ ràng, được lưu trữ cho từng khóa tốt nghiệp [H4.04.07.04]. Nhà trường đã thực hiện việc cấp giấy chứng nhận, cấp bằng điểm và giải quyết thắc mắc về điểm trung bình chung toàn khóa và xếp loại tốt nghiệp cho SV nhanh chóng, kịp thời.

2. Những điểm mạnh:

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, đúng thời gian quy định.

Trường có nhân viên chuyên trách đảm nhiệm việc cấp phát văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ học tập theo quy định. Không có trường hợp thất lạc văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ của người học.

3. Những tồn tại:

Phần mềm quản lý điểm chưa có phần tra cứu kết quả học tập của từng người học rõ ràng, đầy đủ, chính xác, thuận lợi và an toàn.

Vẫn còn một số môn học không đảm bảo thời gian chấm và trả điểm theo quy định làm ảnh hưởng đến các kế hoạch khác của khóa học.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2010 – 2011, Trường nâng cấp phần mềm quản lý điểm để thuận tiện cho người học truy cập thông tin cá nhân.

Từ năm học 2010 – 2011, Trường bổ sung thêm tiêu chí trong Quy chế thi đua về thời gian chấm và trả điểm.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.8. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Nhà trường có đầy đủ dữ liệu về hoạt động đào tạo: số liệu tuyển sinh [H4.04.08.01]; nội dung chương trình giáo dục, kế hoạch đào tạo, chương trình chi tiết,... [H4.04.08.02]; về kết quả tốt nghiệp [H4.04.08.03]; hệ thống hồ sơ lưu

trữ, cấp văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ học tập [H4.04.08.04] được in và lưu trữ trên giấy và trên máy theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường có số liệu thống kê hàng năm về tình hình sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp [H4.04.08.05]. Nhân dịp Lễ Tốt nghiệp các khóa, nhà trường đã tiến hành khảo sát điều tra về tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp của SV qua Phiếu khảo sát [H4.04.08.06]. Trên cơ sở đó, Nhà trường thực hiện việc đánh giá mục tiêu, chương trình giáo dục, hoạt động đào tạo trong thời gian tới cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Những điểm mạnh:

Các cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo đầy đủ, đúng quy định nhà nước.

3. Những tồn tại:

Việc tập hợp và lưu trữ cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường còn thủ công, chưa có phần mềm quản lý xuyên suốt người học từ khi vào trường cho đến khi tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp.

Nội dung khảo sát trên phiếu điều tra còn đơn giản và chưa có hoạt động gắn kết người học sau khi tốt nghiệp với nhà trường.

4. Kế hoạch hoạt động:

Năm 2010, trường hoàn thiện nội dung phiếu điều tra SV để đáp ứng yêu cầu quản lý của nhà trường.

Năm 2010 - 2011 trường sẽ đầu tư mua phần mềm quản lý SV-HS theo học chế tín chỉ.

5. Tự đánh giá: chưa đạt

Tiêu chí 4.9. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả:

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM mới đào tạo được 2 khoá Cao đẳng, đã lên kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường [H4.04.09.01] và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo [H4.04.09.02].

Năm 2008, 2009 sau khi đào tạo được 2 khoá Cao đẳng (khóa I và II) nhà trường có rà soát điều chỉnh hoạt động đào tạo bậc Cao đẳng [H4.04.09.03].

2. Những điểm mạnh:

Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội sau mỗi khoá học.

3. Những tồn tại:

Chưa triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường.

4. Kế hoạch hoạt động:

Từ năm 2010, Trường triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường trên cơ sở lấy ý kiến của người sử dụng lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Mở đầu:

Ngay từ khi trường được nâng cấp thành trường Cao đẳng, tổ chức bộ máy của nhà trường đã được kiện toàn. Từ đó đến nay đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường từng bước phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng qua các năm học. Từ năm 2005 đến nay, Trường đã thực hiện có hiệu quả nhiều biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ như: tuyển dụng nhiều giảng viên mới có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo; tích cực cử GV, NV đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị. Trong đó, nhà trường đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ bằng cách tạo điều kiện về thời gian và kinh phí để họ đi học nhằm nâng cao chất lượng về đội ngũ đối với trường cao đẳng, đáp ứng được yêu cầu đào tạo của nhà trường.

Hiện nay Trường đã có tương đối đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên hợp lý về cơ cấu; đảm bảo về chất lượng cán bộ đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, quy mô đào tạo và công tác nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí 5.1. Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên thực hiện các nghĩa vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng.

1. Mô tả:

Trong những năm qua nhà trường đã có những quy định về các chế độ, chính sách tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được thực hiện các nghĩa vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng [H5.05.01.01].

Để tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên làm tốt nghĩa vụ của mình, nhà trường đã quy định rõ ràng nhiệm vụ và quyền hạn của từng đối tượng từng vị trí công tác [H5.05.01.02]; Xây dựng lề lối làm việc trong trường để các bộ phận dễ dàng phối hợp làm việc làm việc [H5.05.01.03].

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM đã tạo được môi trường dân chủ để giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi đối với mọi hoạt động của nhà trường như giảng viên, nhân viên được đóng góp ý kiến trong việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua khen thưởng, quy định nâng lương trước hạn... [H5.05.01.04].

Sau khi lấy ý kiến góp ý đóng xây dựng dự thảo ở các đơn vị và được thông qua tại Hội nghị CBCC năm học 2007 - 2008 ngày 25/10/2007 [H5.05.01.05], trường ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM ngày 29/10/2007 [H5.05.01.06].

Ngoài ra, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên có thể góp ý cho nhà trường thông qua hộp thư góp ý [H5.05.01.07]; tổ chức gặp mặt hằng năm giữa Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng các đơn vị, Bí thư đoàn trường, Chủ tịch hội sinh viên với cán sự lớp, cán sự đoàn các lớp nghe ý kiến từ sinh viên [H5.05.01.08]. Qua các hình thức nêu trên, lãnh đạo nhà trường và các đơn vị chức năng đã nhận được thông tin của CBVC, SV liên quan đến hoạt động của nhà trường, nên đã kịp thời điều chỉnh, khắc phục những mặt còn hạn chế.

Vào đầu mỗi năm học, trường tổ chức Hội nghị CBCC để tổng kết và đề ra phương hướng công tác năm mới sau khi tổng hợp ý kiến đóng góp từ các cơ sở [H5.05.01.09].

Thanh tra nhân dân được thành lập và hoạt động theo nghị định của Chính phủ thông qua bầu cử tại hội nghị cán bộ viên chức nhiệm kỳ 2 năm

[H5.05.01.10]. Hàng tháng, trưởng ban thanh tra tham gia các cuộc họp giao ban của nhà trường để nắm thông tin để giám sát [H5.05.01.11]. Hàng năm, Thanh tra nhân dân có chương trình công tác và báo cáo kết quả tại hội nghị CBCC [H5.05.01.12].

Cán bộ, giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học [H5.05.01.13].

Cán bộ, giảng viên và nhân viên của Trường được hưởng đầy đủ, kịp thời các chế độ về tiền lương, bảo hiểm xã hội [H5.05.01.14], nghỉ hè, nghỉ phép, nghỉ Tết theo đúng quy định [H5.05.01.15].

2. Những điểm mạnh:

Quy định rõ ràng nhiệm vụ và quyền hạn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, lễ lới làm việc trong trường để họ có thể thực hiện các nghĩa vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng.

Trong những năm qua, nhà trường từ các đơn vị cơ sở đến cấp trường đã luôn quán triệt và coi trọng “Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường”. Đây là cơ sở để CBVC phát huy quyền dân chủ của mình trong mọi hoạt động nhà trường .

3. Những tồn tại:

Chưa duy trì được lịch lãnh đạo trường tiếp CBVC hàng tuần để tiếp nhận các ý kiến đóng góp cho trường, nguyên nhân lịch làm việc của lãnh đạo trường khá dày. Hơn nữa những năm qua, số ý kiến đóng góp trực tiếp không nhiều, nếu có CBVC tranh thủ gặp ngay Hiệu trưởng khi có điều kiện, phần lớn góp ý trong hội nghị CBVC, hoặc qua trường đơn vị được đề nghị ở cuộc họp giao ban tháng...

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2010 khôi phục lịch lãnh đạo trường tiếp CBVC hàng tuần để tiếp nhận các ý kiến đóng góp cho trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.2. Có chủ trương, kế hoạch và biện pháp tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, cán bộ và

nhân viên, tạo điều kiện cho họ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ở ngoài nước; chú trọng đào tạo và phát triển các giảng viên trẻ.

1. Mô tả:

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM xây dựng Chiến lược quy hoạch phát triển đội ngũ đáp ứng sứ mạng, mục tiêu của nhà trường ngay từ khi xây dựng đề án nâng cấp lên thành trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM [H5.05.02.01]. Công tác phát triển đội ngũ là khâu quan trọng mà nhà trường rất quan tâm vì sự phát triển lâu dài cho nhà trường theo phương châm “Chất lượng ổn định và kế thừa”.

- Về công tác tuyển dụng nhân sự:

Việc tuyển dụng cán bộ công chức viên chức trường đều xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị. Hàng năm, trường có kế hoạch tuyển dụng giảng viên và nhân viên trên cơ sở đã được Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM duyệt biên chế năm học [H5.05.02.02]. Từ năm 2005 đến nay trường tuyển thêm được gần 70 giảng viên và 10 nhân viên [H5.05.02.03].

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho CBVC học tập và bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ: chuyên môn, lý luận chính trị, sư phạm,... [H5.05.02.04] và tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H5.05.02.05].

Nhà trường cũng luôn chú trọng đào tạo và khuyến khích phát triển các giảng viên trẻ nâng cao trình độ về mọi mặt [H5.05.02.06].

2. Những điểm mạnh:

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM triển khai thực hiện tốt các công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, cán bộ và nhân viên dân chủ, minh bạch nên đã phát huy tác dụng đạt hiệu quả và đội ngũ có năng lực đáp ứng được sứ mạng, mục tiêu của trường.

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho CBVC học tập và bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ: chuyên môn, lý luận chính trị, sư phạm...

3. Những tồn tại:

Các giảng viên trẻ chưa quan tâm đến việc nâng cao trình độ học tập sau

đại học ở nước ngoài.

Trường chưa có điều kiện thường xuyên cử Giảng viên, cán bộ nhân viên đi công tác học tập ở nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2011. trường thành lập Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế
Bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế thi đua để khuyến khích giảng viên trẻ học nghiên cứu sinh.

Tiếp tục tuyển dụng nhân sự đủ chỉ tiêu cả về số lượng lẫn chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.3. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình giáo dục và NCKH; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

1. Mô tả:

Trường hiện có 116 giảng viên, trong đó có 108 giảng viên cơ hữu và 08 giảng viên thỉnh giảng [H5.05.03.01], [H5.05.03.02] đủ để thực hiện chương trình giáo dục và NCKH. Từ năm học 2005 đến nay, Trường tuyển dụng mới 70 giảng viên [H5.05.03.03] và cử đi học sau đại học trên 40GV [H5.05.03.04] để đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của trường trong 5 năm gần đây:

Năm	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009	2009-2010
1. Số lượng SV (Đã quy đổi)	588	1.448	2.691	3.463	4.075
2. Số lượng GV (Đã quy đổi)	87,14	94,34	101,64	105,24	121,54
3. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên	6,74	15,34	26,47	32,90	33,52

2. Những điểm mạnh:

Trường tương đối có đủ số lượng giảng viên có trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện công tác đào tạo, NCKH. Trường liên tục tuyển dụng và cử giảng viên nâng cao trình độ nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

3. Những tồn tại:

Tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên còn cao so với quy định.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2009 - 2010 trường tuyển dụng thêm giảng viên theo nhu cầu các khoa, tổ để thực hiện tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.4. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường đều đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục [H5.05.04.01], trong đó có 1 tiến sĩ, 40 thạc sĩ chiếm tỷ lệ 38% [H5.05.04.02]. Giảng viên của trường được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo, đảm bảo trình độ theo quy định [H5.05.04.03].

Chủ yếu giảng viên tự học, tự bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ, tin học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trình độ ngoại ngữ, tin học của GV như sau [H5.05.04.04]:

- Về ngoại ngữ: trình độ A 26 người (tỷ lệ 24,1%), trình độ B 31 người (tỷ lệ 28,7%), trình độ C 23 người (tỷ lệ 21,3%), Đại học 12 người (tỷ lệ 11,1%), Thạc sĩ 08 người (tỷ lệ 7,4%).
- Về tin học: trình độ A 68 người (tỷ lệ 63%), trình độ B 20 người (tỷ lệ 18,5 %), trình độ Trung cấp 6 người (tỷ lệ 5,6%), Đại học 9 người (tỷ lệ 8,3 %).

Hầu hết các giảng viên có khả năng sử dụng máy tính thiết kế bài giảng điện tử để giảng dạy và phục vụ cho công việc nghiên cứu [H5.05.04.05].

2. Những điểm mạnh:

Trường có đội ngũ GV đạt chuẩn theo quy định và được phân công giảng dạy đúng chuyên ngành đào tạo.

3. Những tồn tại:

Trình độ Ngoại ngữ của một số GV còn hạn chế về kỹ năng nghe, nói.

4. Kế hoạch hành động:

Có kế hoạch tuyển dụng những giảng viên trẻ đầy đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như trình độ Tin học, Ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.5. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả:

Trường có đội ngũ GV đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định. Bình quân thâm niên công tác chuyên môn của giảng viên là 13,5 năm, số GV dưới 40 tuổi là 68 người, chiếm 62,39%. Ở các đơn vị khoa, tổ chức năng luôn có 3 thế hệ giảng viên: thế hệ giảng viên có thâm niên công tác giảng dạy giàu kinh nghiệm, thế hệ giảng viên đã có một số năm công tác nhất định đang từng bước tích lũy kinh nghiệm đảm nhận tốt phần chuyên môn sâu và một thế hệ giảng viên mới, trẻ nhiệt tình với công tác giảng dạy [H5.05.05.01].

Từ năm 2005 đến nay, trường liên tục tuyển thêm nhiều cán bộ giảng viên trẻ thay thế cho đội ngũ cán bộ nghỉ chế độ do vậy những năm gần đây tỷ lệ giảng viên trẻ ngày càng cao [H5.05.05.02].

2. Những điểm mạnh:

Trường luôn duy trì đội ngũ giảng viên có thâm niên công tác chuyên môn chiếm tỷ lệ cao; bên cạnh đó liên tục tuyển dụng đội ngũ giảng viên trẻ.

3. Những tồn tại:

Tỷ lệ phần trăm học vị tiến sĩ còn thấp so với yêu cầu chung.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2011, trường bổ sung trong quy chế thi đua khen thưởng để khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ tiến sĩ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Đến 31 tháng 12 năm 2009, cơ cấu và năng lực chuyên môn của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường gồm:

Về số lượng nhân viên: tổng số 43, trong đó nữ: 21, nam: 22

Trình độ chuyên môn: Đại học 14 nhân viên, chiếm 32,56 %, Cao đẳng: 4 nhân viên, chiếm 9,03%, Trung cấp: 12 nhân viên, chiếm 27,9%, Khác: 13 nhân viên, chiếm 30,23 % [H5.05.06.01].

Hàng năm, nhà trường đã cử các nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để làm tốt công việc được phân công, phục vụ có hiệu quả cho công tác giảng dạy và NCKH như: về kỹ thuật nghiệp vụ hành chính văn phòng; thực hành xây dựng bộ sưu tập thư viện số bằng phần mềm nguồn mở Greenstone; tham dự lớp tập huấn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; huấn luyện phòng cháy chữa cháy; tập huấn về công tác phòng chống HIV – AIDS và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; dự lớp nghiệp vụ đấu thầu.... [H5.05.06.02]

Trong quy chế thi đua khen thưởng của trường có khuyến khích nhân viên nâng cao trình độ [H5.05.06.03].

2. Những điểm mạnh:

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường tương đối đủ về số lượng, ngày càng được trẻ hoá, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao, có năng lực, nhiệt tình phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH của nhà trường.

3. Những tồn tại:

Trong xử lý một số công việc còn chậm do trình độ của nhân viên có hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2010 - 2011, trường có kế hoạch tuyển dụng thêm nhân viên có trình độ chuyên môn cao cho Phòng Quản trị - Thiết bị và định kỳ cử nhân viên tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.7. Tổ chức đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.

1. Mô tả:

Đầu năm học, trường lập kế hoạch việc tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên [H5.05.07.01]. Ban kiểm tra chuyên môn và các giảng viên của tổ, khoa dự giờ số giảng viên theo kế hoạch. Mỗi tiết giảng đều có ghi biên bản đánh giá, góp ý để giảng viên rút kinh nghiệm và học tập lẫn nhau về phương pháp giảng dạy [H5.05.07.02].

Ngoài ra, Hội giảng cấp trường được tiến hành thường xuyên mỗi năm. Mỗi khoa, tổ bộ môn cử từ 1 đến 3 giảng viên tham gia và được Ban Kiểm tra chuyên môn đánh giá [H5.05.07.03]. Tiêu chí đánh giá các tiết hội giảng chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy [H5.05.07.04]. Sau mỗi đợt hội giảng đều có tổng kết và trao giải giảng viên dạy giỏi cấp trường [H5.05.07.05].

Năm 2009, trường đã tổ chức Hội thảo về ”Đổi mới phương pháp giảng dạy bậc cao đẳng” vào ngày 28/03/2009 [H5.05.07.06] và Hội thảo chuyên đề ”Vai trò của giảng viên trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ở giai đoạn hiện nay” vào ngày 28/12/2009 [H5.05.07.07].

Việc tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên đã có tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, nhiều giảng viên đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp thành phố và toàn quốc:

- Hội thi giáo viên dạy giỏi Trung cấp chuyên nghiệp Thành phố (3 năm tổ chức một lần):
 - + Năm 2006, có 04 giảng viên tham dự trong đó có 2 giải Nhất, 2 giải Nhì

[H5.05.07.08].

- + Năm 2009: 05 GV tham gia trong đó có 1 giải Nhất, 1 giải Nhì, 2 giải Ba. Trường đạt giải "Đoàn tham dự có thành tích xuất sắc" [H5.05.07.09].
- Hội thi giáo viên dạy giỏi Trung cấp chuyên nghiệp Toàn quốc (3 năm tổ chức một lần):
 - + Năm 2006 có 02 giảng viên tham gia, trong đó có 1 giảng viên đạt giải II và 1 giảng viên đạt giải III [H5.05.07.10].
 - + Năm 2009 có 2 giảng viên tham gia, trong đó có 1 giảng viên đạt giải II và 1 giảng viên đạt giải III [H5.05.07.11].

2. Những điểm mạnh:

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên được tiến hành thường xuyên. Trường tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học. Chất lượng đào tạo của nhà trường ngày càng được khẳng định và nâng cao.

3. Những tồn tại:

Hình thức đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên chưa phong phú, thường tiến hành định kỳ, chưa đánh giá thông qua ý kiến của người học.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2010 – 2011, nhà trường tổ chức lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 6: Người học.

Mở đầu:

Từ khi thành lập cho đến nay, trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM luôn xác định người học là yếu tố quan trọng trong công tác đào tạo. Nhà trường đã xây dựng một môi trường học tập chuẩn mực, ở đó người học được quan tâm và thực hiện các điều kiện đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập, rèn luyện. Người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu, chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong qui chế đào tạo; được đảm bảo các chế độ chính

sách và chăm sóc sức khoẻ định kỳ theo quy định của y tế học đường, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hoá văn nghệ, tập luyện thể dục thể thao và đảm bảo an toàn trong trường học; được tu dưỡng và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác. Người học được tham gia vào những hoạt động Đoàn, Hội và có môi trường tu dưỡng, rèn luyện phấn đấu vào Đảng.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả:

Ngay từ đầu mỗi năm học, thông qua "Tuần sinh hoạt giáo dục công dân - HSSV" [H6.06.01.01], Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý HSSV và đã phổ biến toàn bộ các nội dung liên quan đến chương trình giáo dục và quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]; đồng thời mỗi lớp đều được nhận kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có quy định cụ thể về thời điểm học, thi học phần, đi thực tập,...[H6.06.01.04] . Thời khóa biểu từng kỳ học, lịch thi học phần được niêm yết công khai tại bảng thông báo của nhà trường, tại văn phòng các khoa và thông báo cụ thể tới SV qua giáo viên chủ nhiệm trong các buổi sinh hoạt lớp [H6.06.01.05].

Các quy định cụ thể về từng môn học (số học trình, số tiết và nội dung chương trình, yêu cầu tài liệu...) và yêu cầu kiểm tra đánh giá sẽ được giáo viên bộ môn trực tiếp phổ biến cho người học khi bắt đầu thực hiện học phần của môn học đó [H6.06.01.06].

Trong quá trình theo học, các văn bản mới có liên quan đến người học được thông báo rộng rãi trang web của trường, trên bản tin của Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý HSSV, Phòng Kế toán - Tài vụ, đồng thời được gửi đến các lớp [H6.06.01.07].

Toàn bộ chương trình đào tạo các ngành , chuyên ngành; các bậc, hệ và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo đều được trường cập nhật kịp thời trên trang thông tin điện tử của trường [H6.06.01.08].

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường đã có quan tâm đến việc thực hiện hướng dẫn các quy định trong quy chế đào tạo cho người học vào đầu khóa học tạo điều kiện người học có kế hoạch tốt cho quá trình phấn đấu tu dưỡng học tập của bản thân.

3. Những tồn tại:

Các hình thức phổ biến các thông tin liên quan đến người học chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2010 - 2011, nhà trường sẽ có các hình thức đưa thông tin đến người học đa dạng hơn như biên soạn sổ tay sinh viên quy định những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên: các quy định về đánh giá thi, kiểm tra, thi tốt nghiệp: quy định đánh giá rèn luyện, xét học bổng, các quy định về việc miễn giảm học phí.... để sinh viên tiện theo dõi thực hiện; Đoàn thanh niên, Hội SV có kế hoạch tổ chức cho SVHS thi tìm hiểu nội quy, quy chế,... thông qua các buổi sinh hoạt đoàn, hội...

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc sức khỏe định kỳ, được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường; được tư vấn việc làm và các hình thức hỗ trợ khác.

1. Mô tả:

Ngay từ khi bắt đầu nhập học, sinh viên đã được nhà trường phổ biến nội dung và hướng dẫn trình tự việc xét chế độ miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội đối với các trường hợp ưu tiên :Sinh viên học sinh dân tộc ít người, mồ côi, thuộc diện xóa đói giảm nghèo [H6.06.02.01, H6.06.02.02, H6.06.02.03, H6.06.02.04] đề ra quyết định miễn giảm học phí cho HSSV [H6.06.02.05] và quyết định cấp học bổng và trợ cấp xã hội cho HSSV [H6.06.02.06].

Phòng y tế của trường có y sĩ, có tủ thuốc và đủ điều kiện thực hiện việc sơ cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho sinh viên [H6.06.02.07]. Y tế nhà trường chủ động kiểm tra, đôn đốc vệ sinh khu vực căn tin và lớp học nhằm phòng chống

bệnh dịch [H6.06.02.08]. Hàng năm trường tổ chức cho người học đăng ký tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn. [H6.06.02.09, H6.06.02.10, H6.06.02.11].

Trong quá trình học tập, sinh viên luôn được tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi tham gia các hoạt động ngoại khoá dưới sự tổ chức của Hội sinh viên, Đoàn thanh niên: đại hội TDTT sinh viên [H6.06.02.12], tham gia hội diễn văn nghệ Sở Giáo dục và Đào tạo [H6.06.02.13], Tổ chức hội diễn văn nghệ chào mừng 20/11 [H6.06.02.14]...

Công tác an ninh trường học được quan tâm đúng mức. Nhà trường có đội bảo vệ [H6.06.02.15], đội phòng cháy chữa cháy cơ sở để đảm bảo an toàn cho sinh viên [H6.06.02.16]. Trường đã xây dựng ban hành nội quy cơ quan [H6.06.02.17], nội quy ra vào cơ quan [H6.06.02.18]; nội quy đối với sinh viên học sinh [H6.06.02.19]. Hàng tháng, Phòng Tổ chức Hành chính lập báo cáo về công tác an ninh trong trường học [H6.06.02.20].

Khi các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động, Đoàn trường thông tin kịp thời đến HSSV qua bảng tin của Đoàn [H6.06.02.21].

Hàng năm, Phòng Quản lý HSSV triển khai thực hiện chính sách tín dụng đào tạo đối với HSSV [H6.06.02.22]; [H6.06.02.23]; [H6.06.02.24]. Năm 2009, nhà trường có phối hợp với ngân hàng TMCP Đông Á tổ chức cho SVHS làm thủ tục vay theo chương trình “Sản phẩm vay 24 phút cho sinh viên” [H6.06.02.25].

2. Những điểm mạnh:

Người học được giải quyết chế độ chính sách kịp thời và đúng chế độ của nhà nước. Công tác chăm sóc sức khoẻ được đảm bảo theo đúng quy định của y tế học đường .

3. Những tồn tại:

Do điều kiện sân bãi nhà trường còn hạn chế nên việc tổ chức các hoạt động phong trào thể dục thể thao ngoài trời còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động:

Cuối năm 2010, Nhà trường tiến hành cải tạo, sửa chữa thay đổi công năng khu nhà C tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao cho SV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.3. Người học được phổ biến, giáo dục về chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; được tạo điều kiện để tu dưỡng và rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác; được tạo điều kiện để tham gia công tác Đảng, đoàn thể.

1. Mô tả:

Hàng năm người học được phổ biến về các chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước dưới các hình thức: thông qua "Tuần sinh hoạt giáo dục công dân - HSSV",... [H6.06.03.01], nghe báo cáo thời sự [H6.06.03.02].

Căn cứ vào Quy chế 60/2007/QĐ-BGDĐT “Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên” [H6.06.03.03], trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM xây dựng Phiếu đánh giá rèn luyện HSSV [H6.06.03.04] cho phù hợp với tình hình của trường để rèn luyện đạo đức tác phong HSSV và thực hiện công tác đánh giá rèn luyện sinh viên.

Công tác rèn luyện đạo đức cho người học còn được thông qua những hoạt động như: tổ chức Hội thi “SV-HS trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” [H6.06.03.05], xây dựng quỹ “Giúp bạn vượt khó” [H6.06.03.06], tham gia chiến dịch mùa hè xanh [H6.06.03.07], tiếp sức mùa thi [H6.06.03.08], hiến máu nhân đạo [H6.06.03.9]....

Nhà trường quan tâm phát triển Đảng trong SVHS: cử một số đoàn viên ưu tú là SVHS tham gia học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng [H6.06.03.10] và đã kết nạp 1 SV vào Đảng [H6.06.03.11]. Đầu năm học Đoàn trường, Hội sinh viên tổ chức tiếp nhận đoàn, hội viên và tiến hành tổ chức Đại hội chi đoàn, chi hội cho các lớp [H6.06.03.12], tổ chức các lớp đối tượng đoàn [H6.06.03.13], kết nạp đoàn viên [H6.06.03.14] và hội viên [H6.06.03.15].

2. Những điểm mạnh:

Trường luôn quan tâm sâu sát và tạo mọi điều kiện tốt nhất để người học tham gia các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và công tác Đảng, đoàn thể.

Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá rèn luyện sinh viên theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Những tồn tại:

Các hình thức phổ biến tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tới người học chưa phong phú đa dạng.

Số lượng các buổi báo cáo chuyên đề thời sự về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế cho sinh viên hàng năm còn ít.

4. Kế hoạch hành động:

Ngoài những hình thức đang thực hiện như hiện nay, nhà trường thông qua hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội SV sẽ đa dạng hơn hình thức giáo dục chính trị cho SVHS như sinh hoạt ngoại khóa, giao lưu với các nhân chứng lịch sử, các gương điển hình...

Từ năm học 2010 - 2011, ít nhất 1 lần/học kỳ tổ chức buổi báo cáo chuyên đề về tình hình thời sự, kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và trên thế giới cho sinh viên từ năm học 2007 - 2008.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.4. Thực hiện đánh giá năng lực của người tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo; có kết quả điều tra về mức độ người tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

1. Mô tả:

Cuối khóa học để đánh giá năng lực người học theo mục tiêu đào tạo, nhà trường tổ chức kỳ thi tốt nghiệp đối với các môn chuyên ngành của từng ngành học dưới hình thức tự luận. Kết quả thi tốt nghiệp cũng là cơ sở để xếp loại và công nhận tốt nghiệp [H6.06.04.01].

Hàng năm, nhà trường tiến hành lập phiếu điều tra khảo sát SV [H6.06.04.02; H6.06.04.03] về ngành nghề, việc làm và thu nhập của người tốt nghiệp

2. Những điểm mạnh:

Bước đầu nhà trường đã tiến hành việc khảo sát người tốt nghiệp với các nội dung có liên quan để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của xã hội .

3. Những tồn tại:

Nhà trường chưa thiết lập thường xuyên được mối liên hệ và thông tin hai chiều giữa nhà trường và người tốt nghiệp. Vì vậy, nhà trường chưa đánh giá đầy

đủ và chính xác năng lực và khả năng đáp ứng của người tốt nghiệp đối với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

Chưa tiến hành khảo sát và thu thập ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực do nhà trường đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Định kỳ một chu kỳ kiểm định, nhà trường tiến hành đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp thông qua các đơn vị tuyển dụng để điều chỉnh kịp thời kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Các Khoa tăng cường lập mối liên hệ mật thiết hơn giữa nhà trường và người tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ.

Mở đầu:

Kể từ khi thành lập, đặc biệt là từ năm 2007 đến nay, Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM đã quan tâm nhiều hơn đến hoạt động NCKH; UD, PT & CGCN để phục vụ công tác đào tạo và sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội Thành phố trong quá trình CNH, HĐH. Hoạt động NCKH; UD, PT & CGCN đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường cao đẳng.

1. Mô tả:

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM, nhà trường đã ra quyết định thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về mục tiêu chương trình đào tạo; kế hoạch dài hạn và kế hoạch hằng năm phát triển giáo dục – đào tạo, khoa học và công nghệ của trường; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên [H7.07.01.01].

Từ năm 2007, nhà trường đã xây dựng “Quy định tạm thời về tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM” [H7.07.01.02] và

triển khai đến tất cả các bộ phận chức năng trong nhà trường để quán triệt thực hiện.

CBVC và các đơn vị đăng ký đề tài NCKH theo mẫu gửi về trường (thông qua phòng đào tạo) [H7.07.01.03]. Hội đồng Khoa học trường đánh giá nghiệm thu các đề tài khi hoàn thành [H7.07.01.04].

2. Những điểm mạnh:

Trường đã xây dựng văn bản quy định tạm thời về tổ chức hoạt động NCKH nhờ đó có cơ sở pháp lý để triển khai hoạt động này trong nhà trường và để khuyến khích CBVC tham gia NCKH phục vụ cho công tác đào tạo.

3. Những tồn tại:

Việc nghiên cứu khoa học trong giảng viên còn mang tính tự phát.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học tới, nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học cụ thể cho từng năm.

5. Tự đánh giá: chưa đạt

Tiêu chí 7.2. Có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến.

1. Mô tả:

Trong “Quy định tạm thời về tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM” [H7.07.02.01] nêu rõ quyền lợi của tác giả và kinh phí thực hiện đề tài NCKH. Về quyền lợi, sản phẩm NCKH được nghiệm thu xếp loại từ đạt yêu cầu trở lên được công nhận hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm học và được hưởng quyền lợi vật chất, tinh thần theo qui định của trường (hoặc của cấp trên nếu đề tài thuộc cấp trên); về kinh phí, trường cung cấp văn phòng phẩm theo yêu cầu của đề tài NCKH và kinh phí thực hiện đề tài cấp trường do trường giao theo yêu cầu của đề tài NCKH hoặc đề tài NCKH cấp trên giao. Những đề tài NCKH thường xuyên của giảng viên, đơn vị phục vụ cho công tác đào tạo được tính thù lao theo qui chế giảng viên [H7.07.02.02] ban hành kèm theo quyết định số 117/QĐ-CĐKT ngày 14/4/2006 của Hiệu trưởng trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM. Những đề tài phát sinh do nhu cầu thực tế, nhà trường

xác định mức chi cụ thể của từng đề tài. Đối với những đề tài khoa học được nghiệm thu, các thành viên của Hội đồng dự họp đánh giá đề tài được hưởng khoản thù lao 20% trên chi phí lao động thực hiện đề tài. Đối với những đề tài khoa học không được nghiệm thu, các thành viên Hội đồng dự họp đánh giá đề tài được hưởng thù lao 4 tiết chuẩn trên một đề tài.

2. Những điểm mạnh:

Trường có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến.

3. Những tồn tại:

Tổ chức công tác nghiên cứu khoa học chưa đủ sức thu hút CBVC đầu tư.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2009 - 2010, trường sẽ bổ sung quy chế khen thưởng, hỗ trợ CBVC thực hiện nghiên cứu khoa học.

Tổ chức mở lớp đào tạo về phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết đề án NCKH cho cán bộ, giảng viên từ năm học 2009 - 2010.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.3. Có các kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của trường và các cơ sở giáo dục khác ở địa phương.

1. Mô tả:

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM đã tổ chức buổi hội thảo khoa học về “Đổi mới phương pháp giảng dạy bậc cao đẳng” vào ngày 28/3/2009 [H7.07.03.01]; trong đó, có 16 báo cáo của giảng viên đã trình bày một số kết quả nghiên cứu khoa học bước đầu được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học. Ngày 26/12/2009, trường tổ chức hội thảo “Vai trò của GV trong việc nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục chuyên nghiệp” [H7.07.03.02]. Các báo cáo hội thảo khoa học trên được in thành tập tài liệu và phát hành đến từng giảng viên.

Đề nâng cao công tác quản lý và phục vụ trường nghiệm thu, tháng 4/2010 nhà trường nghiệm thu trang thông tin điện tử và đưa vào hoạt động [H7.07.03.03].

2. Những điểm mạnh:

Có một số công trình khoa học được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của trường.

3. Những tồn tại

Các công trình nghiên cứu khoa học chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Trong 5 năm tới trường sẽ có qui chế mời cộng tác viên là những nhà doanh nghiệp, nhà quản lý có trình độ cao hợp tác NCKH với trường; sẽ nghiên cứu ban hành các tiêu chí xét nâng lương, nâng ngạch, xét chức danh có liên quan đến nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: chưa đạt

Tiêu chí 7.4. Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tập san, các ấn phẩm khoa học; có các tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường.

1. Mô tả:

Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM in tập tài liệu báo cáo Hội thảo Khoa học về “Đổi mới phương pháp giảng dạy bậc cao đẳng” vào tháng 3/2009 [H7.07.04.01] và báo cáo Hội thảo về ”Vai trò của GV trong việc nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục chuyên nghiệp trong giai đoạn hiện nay” vào ngày 26/12/2009 [H7.07.04.02] và phát hành tập tài liệu đến từng giảng viên. Hầu hết các môn học của trường đều có tài liệu và tập bài giảng do giảng viên tự biên soạn thông qua Tổ bộ môn nhằm phục vụ cho công tác đào tạo trong nội bộ trường [H7.07.04.03].

2. Những điểm mạnh:

Hầu hết các giảng viên đứng lớp đều có tài liệu giảng dạy phục vụ cho công tác đào tạo.

3. Những tồn tại:

Việc thống kê số lượng bài báo giảng viên gửi đăng ở các tạp chí chưa thực hiện được.

Chưa có giáo trình được nghiệm thu chính thức.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2010 - 2011, trường tập trung việc xây dựng giáo trình các môn học chính theo đúng quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tự đánh giá: chưa đạt

Tiêu chí 7.5. Có các hoạt động kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo; có các hoạt động về quan hệ quốc tế. Kết quả của các hoạt động khoa học và quan hệ quốc tế đóng góp vào việc phát triển nguồn lực của trường.

1. Mô tả:

Để nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý đào tạo, một trong những biện pháp chính là thông qua các hoạt động KH&CN của đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên trong trường. Một số đề tài được các Khoa, Tổ bộ môn, Phòng ban chức năng trong trường nghiên cứu, bước đầu ứng dụng có hiệu quả trong công tác thực tiễn hằng ngày [H7.07.05.01].

2. Những điểm mạnh: không có

3. Những tồn tại:

Khả năng & điều kiện nghiên cứu khoa học của giảng viên còn hạn chế.
Công tác quan hệ quốc tế chưa được định hình trong nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

Trường sẽ xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện để trong vòng 5 năm tới công tác NCKH và HTQT được định hình và phát huy tác dụng trong đào tạo và nâng cao chất lượng của cả giảng viên và SVHS trong trường.

Đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế để tăng thêm nguồn lực cho nhà trường.

6. Tự đánh giá: chưa đạt

Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu

Trường CĐ Kinh tế TP.HCM có Thư viện đảm bảo tốt các tài liệu, sách, báo, tạp chí... & tổ chức phục vụ đáp ứng yêu cầu học tập, giảng dạy. Cơ sở vật

chất của trường bao gồm phòng học, phòng thực hành tin học có đầy đủ các trang thiết bị hỗ trợ, phục vụ đầy đủ, đặc lực cho việc giảng dạy, học tập và NCKH cùng với các hoạt động khác của trường. Trường có một hệ thống wifi có khả năng truy cập Internet rộng rãi đã tạo ra hiệu quả cao trong công tác quản lý điều hành của trường, đồng thời còn tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên thu thập thông tin. Trường chưa có ký túc xá & sân bãi tập TDTT cho sinh viên.

Tiêu chí 8.1. Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí để tham khảo và học tập theo yêu cầu của chương trình giáo dục theo quy định. Tổ chức phục vụ đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

1. Mô tả:

Thư viện trường được thành lập cùng với ngày thành lập Trường, được bố trí ở tầng trệt khu A trên diện tích 160 m² [H8.08.01.01]. Hiện nay, Thư viện có 01 Phó Hiệu trưởng đào tạo quản lý trực tiếp và 05 nhân viên, trong đó:

- 01 nhân viên phụ trách cho mượn đọc tại chỗ và quản lý kho sách,
- 01 nhân viên phụ trách báo, tạp chí và theo dõi đặt hợp đồng báo, tạp chí,
- 01 nhân viên scan tài liệu để làm tài liệu điện tử và làm thẻ thư viện,
- 01 nhân viên xử lý nghiệp vụ sách, bổ sung sách và cho mượn sách về nhà,
- 01 nhân viên phụ trách trật tự, an ninh và vệ sinh thư viện. [H8.08.01.02].

Thư viện có quy định về thời gian mở cửa, nội quy mượn sách đọc tại chỗ và thời gian mượn sách, báo, tạp chí về nhà [H8.08.01.03]. Vào mùa thi, thư viện phục vụ học sinh, sinh viên thông tâm từ 7:00 đến 16:30 [H8.08.01.04].

Vốn tài liệu trong thư viện đủ để đáp ứng nhu cầu học tập của người học đang theo học những chương trình đào tạo của trường với tổng số đầu sách hiện nay là: 5.866 nhan đề, 13.151 đầu sách [H8.08.01.05]. Số lượng người dùng tin đến thư viện trong năm học 2008 – 2009 là: 41.600 lượt [H8.08.01.06] trong đó có 9.038 lượt mượn sách đọc tại chỗ, 4.993 lượt mượn về nhà [H8.08.01.07].

Thư viện được trang bị phần mềm quản lý thư viện Libol 5.5 gồm 07 phân hệ [H8.08.01.08]. Người dùng tin vào thư viện tìm tài liệu qua thông qua máy và bảng hướng dẫn tra cứu mục lục trực tuyến [H8.08.01.09].

2. Những điểm mạnh:

Thư viện đảm bảo có đủ các tài liệu, sách báo, tạp chí, luôn cập nhật, bổ sung những tài liệu mới nhằm cung cấp cho người học tham khảo phục vụ cho việc học tập.

Thư viện tổ chức việc phục vụ, đáp ứng được yêu cầu học tập của người học. Với hệ thống tra cứu mục lục trực tuyến giúp cho người học tra cứu tìm kiếm tài liệu một cách nhanh chóng, chính xác.

3. Những tồn tại:

Do mặt bằng của nhà trường còn hạn hẹp nên diện tích phòng đọc chưa đủ để đáp ứng cho số lượng học sinh, sinh viên và thiếu phòng thảo luận nhóm.

Chưa thực hiện được phiếu điều tra nhu cầu của giảng viên, học sinh, sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả công tác phục vụ của thư viện.

Chưa hoàn tất việc triển khai tài liệu điện tử.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2011, mở rộng diện tích phòng đọc và thành lập thêm phòng thảo luận nhóm cho HSSV để đáp ứng nhu cầu đào tạo theo tín chỉ của nhà trường.

Tháng 12 năm 2010, thư viện bổ sung nguồn tài liệu điện tử và thực hiện việc điều tra nhu cầu của độc giả để nâng cao chất lượng phục vụ cho việc tham khảo tài liệu, đáp ứng đúng yêu cầu đào tạo của từng chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.2: Có đủ các phòng học và diện tích lớp học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị theo yêu cầu của chương trình giáo dục.

1. Mô tả:

Có 30 phòng học với diện tích 2.870m² và 06 hội trường có diện tích 936m² [H8.08.02.01]. Trang thiết bị tại các phòng học, giảng đường đáp ứng được công tác giảng dạy và học tập như phòng học có máy chiếu Projector và PC [H8.08.02.02], có hướng dẫn cách sử dụng các phương tiện trên tại các phòng học [H8.08.02.03], có 06 phòng thực hành vi tính với diện tích 374m² và 286 máy tính [H8.08.02.04].

2. Những điểm mạnh:

Cơ sở vật chất của trường có hạn nhưng do sử dụng hợp lý và khai thác có hiệu quả nên đáp ứng được yêu cầu của các chương trình giáo dục.

3. Những tồn tại:

Chưa thể mở rộng diện tích các phòng học và giảng đường do vướng các thủ tục xin cấp đất để xây dựng cơ sở hai.

4. Kế hoạch hành động:

Đã tiến hành xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở vật chất, cụ thể đã liên hệ UBND quận 9 TP.HCM để xin cấp đất xây dựng cơ sở 2 của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.3: Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả:

Nhà trường đã bố trí đầy đủ phòng làm việc cho 13 đơn vị là Phòng – Khoa - Tổ trực thuộc có đủ diện tích và trang thiết bị tại các phòng làm việc như PC và Laptop – ADSL - máy photo - máy lạnh... đáp ứng được công tác phục vụ giảng dạy và học tập [H8.08.03.01]. Định kỳ mỗi năm nhà trường có thống kê số lượng, tỷ lệ trung bình diện tích phòng làm việc trên số CBVC nhà trường, tỷ lệ này phù hợp với quy định [H8.08.03.02].

2. Những điểm mạnh:

Cán bộ, Giảng viên, nhân viên của trường được đáp ứng đầy đủ về diện tích và kiến thức để sử dụng các trang thiết bị làm việc hiện đại phục vụ giảng dạy và học tập.

3. Những tồn tại:

Chưa thể mở rộng diện tích các phòng làm việc và sinh hoạt TDTT do còn vướng thủ tục xin cấp đất để xây dựng cơ sở hai.

4. Kế hoạch hành động:

Đã tiến hành xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở vật chất, cụ thể đã liên hệ UBND quận 9 TP.HCM để xin cấp đất xây dựng cơ sở 2 của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.4. Có phòng máy tính được nối mạng đáp ứng nhu cầu học tập của người học; có biện pháp hỗ trợ người học tiếp cận với công nghệ thông tin.

1. Mô tả:

Nhà trường hiện có tổng số 286 máy vi tính phục vụ cho yêu cầu học tập của sinh viên trong trường. Toàn bộ các máy đều có cấu hình cao đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên [H8.08.04.01].

Các phòng máy thực hành nối mạng nội bộ với trục backbone Gigabit Ethernet 1 Gbps và từ trục này nối ra các máy trạm qua kết nối Fast Ethernet 100Mbps. Hệ thống mạng nội bộ tổ chức theo mô hình client—server với máy chủ Domain Windows 2003 cho phép chia sẻ phần mềm, dịch vụ file và dịch vụ kết nối Internet [H8.08.04.02].

Toàn bộ phòng máy đều được kết nối với mạng Internet của VNPT qua đường truyền ADSL để phục vụ yêu cầu truy cập thông tin của người học [H8.08.04.03].

Bên cạnh phòng máy, từ năm 2008, nhà trường còn tự thiết kế và cài đặt mạng không dây theo chuẩn 802.11 g với tốc độ tối đa 54 Mbps. Hệ thống không dây phủ sóng khu vực trung tâm sân trường với 2 điểm truy cập (access point), 1 điểm tại phòng quản trị và 1 điểm đặt tại phòng máy. Sinh viên trong khu vực này có khả năng kết nối với mạng không dây để truy cập Internet [H8.08.04.04]

Bộ phận quản lý phòng máy hiện có 2 nhân viên có trình độ đại học chuyên ngành máy tính, được phân công trực nhật luân phiên vào các ngày làm việc trong tuần. Bên cạnh nhiệm vụ bảo quản, cài đặt thiết bị và phần mềm, bộ phận quản lý phòng máy còn hỗ trợ các sinh viên khi SVHS có yêu cầu sử dụng máy tính để thực hiện các bài tập, đồ án môn học [H8.08.04.05].

2. Những điểm mạnh:

Lực lượng quản lý phòng máy trẻ, có trình độ đại học về công nghệ thông tin, có nhiệt tình, có kinh nghiệm công tác về chuyên môn máy tính là cơ sở đáp ứng mọi yêu cầu về học tập và sử dụng từ cơ bản đến cao cấp của người học.

Hệ thống máy tính và mạng máy tính với cấu hình tiên tiến đáp ứng yêu cầu đào tạo về kiến thức công nghệ thông tin và kỹ năng ứng dụng máy tính vào

công tác nghiệp vụ. Hệ thống cho phép sinh viên tiếp cận Internet trong phòng máy và tại sân trường dưới 2 hình thức kết nối có dây và không dây qua đó truy cập đến các tài nguyên về thông tin trên toàn thế giới.

3. Những tồn tại

Hạn chế chung của nhà trường về mặt bằng đã ảnh hưởng đến việc mở rộng phòng máy. Do diện tích khá chật hẹp (bình quân $1,25 \text{ m}^2/\text{máy}$ trong đó nhỏ nhất là $0,9 \text{ m}^2/\text{máy}$) nên điều kiện học tập trong phòng máy vẫn còn chưa tốt.

Hệ thống mạng ADSL chưa đủ băng thông để phục vụ cho yêu cầu truy cập đồng thời toàn bộ máy nên tốc độ truy cập còn chậm.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2011, trường xây dựng kế hoạch chiến lược về ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Có kế hoạch định kỳ thay thế các máy tính hư hỏng (bình quân mỗi năm thay thế 60 – 80 máy).

Lắp đặt đường truyền cáp quang để đảm bảo băng thông cho nhu cầu kết nối Internet, và nhu cầu hội họp từ xa.

Phát triển hệ thống mạng không dây toàn trường để phủ sóng toàn bộ sân trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.5: Có ký túc xá, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú và có các dịch vụ phục vụ người học theo quy định.

1. Mô tả:

Nhà trường đã quan tâm và có các dịch vụ phục vụ người học như căn tin [H8.08.05.01], thư quán [H8.08.05.02], giữ xe [H8.08.05.03] với chi phí phù hợp với người học.

2. Những điểm mạnh:

Các dịch vụ trên phục vụ phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của sinh viên.

3. Những tồn tại:

Chưa có ký túc xá cho SV vì chưa được cấp đất để xây dựng.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục kiến nghị với các cấp lãnh đạo xin đất để phát triển trường.

5. Tự đánh giá: chưa đạt

Tiêu chí 8.6: Có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, đảm bảo diện tích khu thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả:

Bên cạnh việc trang bị các phương tiện giảng dạy hiện đại, nhà trường đã quan tâm và có mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao như: 1 bàn bóng bàn, 1 dàn sân khấu di động, 1 dàn đèn và âm thanh sân khấu [H8.08.06.01] và 1 hội trường 500 chỗ [H8.08.06.02]. Do diện tích sân trường có hạn nên trường thuê sân bãi cho các hoạt động thể dục thể thao [H8.08.06.03].

2. Những điểm mạnh:

Các trang thiết bị và sân bãi trên phục vụ phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của sinh viên.

3. Những tồn tại:

Chưa xây dựng được nhà tập TDTT cho sinh viên do chưa được cấp đất.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục kiến nghị với các cấp lãnh đạo xin đất để phát triển trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.7: Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường.

1. Mô tả:

Nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho Thành phố và sự phát triển của nhà trường, đã xây dựng quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường cụ thể như dự án đầu tư xây dựng - cải tạo nâng cấp trường từ năm 2010 đến 2015 [H8.08.07.01] và xây dựng mới Khu nhà E 12 tầng [H8.08.07.02], thực hiện chủ trương chung của Thành phố nhà trường đã có kế hoạch xin cấp đất để thực hiện dự án mở rộng trường tại quận 9 [H8.08.07.03]. Năm 2009, nhà trường đã được UBND TP.HCM chấp thuận cho phép sửa chữa Khu nhà C để làm phòng học, giảng đường và phòng làm việc [H8.08.07.04].

2. Những điểm mạnh:

Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường từ năm 2009.

3. Những tồn tại:

Chưa được cấp đất để xây dựng & phát triển trường.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục kiến nghị với các cấp lãnh đạo xin đất để phát triển trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.8: Có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả:

Công tác bảo vệ rất quan trọng, do đó nhà trường đã thuê Công TNHH Nam Long tham gia bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học [H8.08.08.01].

Để công tác bảo vệ nhà trường được chặt chẽ, lãnh đạo nhà trường đã ban hành quy định về nội quy ra vào cơ quan [H8.08.08.02], phòng cháy chữa cháy [H8.08.08.03], thủ tục mang tài sản ra khỏi trường [H8.08.08.04]. Ngoài ra, nhà trường có thành lập đội PCCC cơ sở [H8.08.08.04] và thường xuyên được theo dõi, kiểm tra, thực tập sử dụng các phương tiện chữa cháy [H8.08.08.05]. Hàng tháng, Phòng Tổ chức Hành chính lập Báo cáo công tác an ninh trật tự trong trường học [H8.08.08.06].

2. Những điểm mạnh:

Có lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp có tinh thần trách nhiệm cao.

3. Những tồn tại:

Không có.

4. Kế hoạch hành động:

Kết hợp với công an phường 2 quận 10 TP HCM tăng cường việc an ninh, trật tự các cổng trong giờ cao điểm.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính

Mở đầu:

Tài chính là một yếu tố không thể thiếu cho sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Nguồn tài chính của trường chủ yếu từ ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu hoạt động sự nghiệp. Các nguồn kinh phí của nhà trường đều được sử dụng đúng mục đích quy định của Nhà nước, ưu tiên cho công tác đào tạo.

Bên cạnh đó, việc quản lý tài chính cũng được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, đảm bảo không xảy ra những vi phạm về quản lý và sử dụng tài chính.

Tiêu chí 9.1. Có quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện quản lý tài chính theo quy định về chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu.

1. Mô tả:

Trường thực hiện công tác quản lý tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập [H9.09.01.01].

Hoạt động thu chi tài chính của trường chịu sự kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước Quận 10 theo quy định tại Thông tư 81/2006/TT-BTC ngày 6/9/2006 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các đơn vị công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính. [H9.09.01.02]

Thực hiện lập dự toán, chấp hành dự toán, hạch toán kế toán và quyết toán thu, chi Ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước, Luật kế toán, các văn bản hướng dẫn luật và quy định tại Thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập [H9.09.01.03].

Thực hiện chi trả lương và các khoản thanh toán cá nhân cho CBVC qua ngân hàng Đông Á theo quy định tại Chỉ thị số 20/2007/CT.TTg ngày 24/8/2007 của Thủ Tướng Chính phủ về việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước.[H9.09.01.04]

Để chủ động sử dụng kinh phí thường xuyên được giao đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ để CBVC thực hiện và kho bạc Nhà nước Quận 10 thực hiện kiểm soát chi. [H9.09.01.05]

Quy chế chi tiêu nội bộ trường được ban hành sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong Hội nghị Cán bộ Công chức và có ý kiến thống nhất của Chủ tịch công đoàn trường [H9.09.01.06]

Dự toán thu chi ngân sách hàng năm của trường đều được Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP.HCM phê duyệt, được thông báo công khai trong Hội nghị CBCC hàng năm và niêm yết công khai trên bảng thông báo của Phòng KT-TV [H9.09.01.07].

Có Báo cáo tổng kết công tác tài chính hàng năm; Quyết toán thu chi ngân sách hàng năm đều được Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP.HCM kiểm tra và phê duyệt, được thông báo công khai trong Hội nghị CBCC hàng năm và niêm yết công khai trên bảng thông báo của Phòng Kế toán - Tài vụ [H9.09.01.08].

Thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả kinh phí từ ngân sách NN cấp và từ nguồn thu sự nghiệp của trường [H9.09.01.09].

Quy trình phân bổ kinh phí hằng năm cho việc mua sắm, sửa chữa tài sản được thực hiện theo nguyên tắc dân chủ tập trung: Các bộ phận có nhu cầu trang bị mua sắm, sửa chữa tài sản lập đề xuất gửi Phòng Quản trị - Thiết bị vào đầu quý 4 của năm trước [H9.09.01.10].

Phòng Quản trị - Thiết bị có trách nhiệm lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản trình Sở Giáo Dục và Đào Tạo phê duyệt trên cơ sở tổng hợp các nhu cầu do các bộ phận gửi lên có đối chiếu với các quy định hiện hành về định mức, tiêu chuẩn, chế độ sử dụng tài sản, vật tư, trang thiết bị của Nhà nước [H9.09.01.11].

Có sự kiểm tra của các đoàn Thanh tra Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP.HCM (đoàn kiểm tra BHXH TP.HCM, đoàn Thanh tra Sở Tài Chính, đoàn Kiểm toán Nhà nước... kiểm tra về công tác quản lý tài chính của trường giúp phát hiện kịp thời các thiếu sót để hoàn thiện công tác quản lý tài chính ngày càng tốt hơn [H9.09.01.12].

Có vận dụng ứng dụng tin học trong công tác quản lý tài chính và quản lý tài sản [H9.09.01.13].

2. Những điểm mạnh:

Có quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện quản lý tài chính theo quy định về chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu.

Thực hiện lập báo cáo tài chính quý, báo cáo quyết toán năm kịp thời, rõ ràng, chính xác có sự kiểm tra định kỳ của Sở Tài Chính và Sở Giáo Dục và Đào Tạo,

3. Những tồn tại:

Trong giai đoạn từ năm 2005 các quy định về quản lý tài chính có nhiều thay đổi, việc triển khai tập huấn thực hiện cơ chế mới còn chậm chưa kịp thời gây khó khăn cho công tác quản lý tài chính của trường

4. Kế hoạch hành động:

Hằng năm, rà soát & hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ.

5. Tự đánh giá : đạt

Tiêu chí 9.2. Có các nguồn tài chính ổn định, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hợp pháp khác của trường.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Kinh Tế TP.HCM được xác định là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động [H9.09.02.01].

Bên cạnh đó trường còn có nguồn tài chính ổn định từ các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của trường [H9.09.02.02] bao gồm:

Nguồn thu phí, lệ phí gồm: thu học phí chính quy; thu tuyển sinh chính quy. Trường thực hiện thu, chi và quản lý học phí chính quy theo quy định tại thông tư liên tịch số 54/1998/TTLT-BGD&ĐT ngày 31/3/1998 [H9.09.02.03]. Đây là nguồn thu ổn định đóng vai trò chủ đạo trong tổng số nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của trường (năm 2005 chiếm tỷ trọng 51,16%) và thay đổi theo cơ cấu ngày càng chiếm ưu thế (năm 2008 chiếm 64,37%) [H9.09.02.04].

Nguồn thu sự nghiệp khác gồm: ký túc xá; thẻ thư viện [H9.09.02.05].

Nguồn thu dịch vụ gồm: học phí không chính quy; liên kết đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; bãi xe, căn tin [H9.09.02.06].

Các nguồn thu của Trường ổn định và xu hướng ngày càng phát triển (năm 2007 tăng 39%; năm 2008 tăng 48% so với năm 2005) [H9.09.02.07].

Tất cả các nguồn thu của trường được quản lý tập trung tại Phòng Kế Toán - Tài Vụ và được hạch toán đầy đủ vào sổ sách kế toán theo đúng quy định của Nhà nước [H9.09.02.08]. Có quy định chi tiết về quản lý và phân bổ sử dụng các nguồn thu cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường [H9.09.02.09].

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường luôn có chiến lược khai thác các nguồn lực tài chính để có được nguồn thu ổn định đảm bảo cho việc đáp ứng các hoạt động đào tạo; nghiên cứu khoa học; thư viện, xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập.

Có vận dụng ứng dụng tin học trong việc thu học phí đảm bảo cho việc thu đúng và thu đủ.

3. Những tồn tại:

Chưa khai thác hết tiềm năng sẵn có của trường nhất là trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, liên kết đào tạo với các tổ chức nước ngoài để tăng nguồn thu, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu xã hội.

4. Kế hoạch hành động:

Xúc tiến thành lập Phòng HTQT để khai thác nguồn thu liên kết đào tạo với các tổ chức nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.3: Thực hiện công khai tài chính để giảng viên, cán bộ, nhân viên biết và tham gia kiểm tra, giám sát.

1. Mô tả:

Thực hiện công khai các nguồn tài chính, phân bổ tài chính, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí của trường theo đúng quy định. Hình thức công khai: công khai tại Hội nghị Cán bộ Công chức hàng năm [H9.09.03.01] và niêm yết công khai trên bảng thông báo của Phòng KT-TV [H9.09.03.02]. Năm 2005 thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư 83/1999/TT-BTC ngày 1/7/1999 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước [H9.09.03.03]. Từ năm 2006 đến 2009: thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ

Tài Chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ [H9.09.03.04].

Báo cáo công khai các quỹ, quy định về việc trích lập và sử dụng các quỹ được quy định rõ ràng chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường và được thông báo công khai trong Hội nghị CBCC hàng năm của trường [H9.09.03.05].

Trong chi trả thu nhập tăng thêm, để đảm bảo tính khách quan minh bạch có thành lập Hội đồng xét hưởng thu nhập tăng thêm [H9.09.03.06] định kỳ họp hàng quý [H9.09.03.07]. Thực hiện công khai hệ số, đơn giá hệ số chi trả thu nhập tăng thêm trong các cuộc họp của Hội đồng và được gửi cho các Phòng, Khoa, Tổ trực thuộc để CBVC biết và tham gia kiểm tra, giám sát [H9.09.03.08].

Báo cáo công khai kết quả tài chính và công khai việc phân phối kết quả tài chính trong các cuộc họp của Hội đồng xét hưởng thu nhập tăng thêm [H9.09.03.09].

2. Những điểm mạnh:

Thực hiện thông báo công khai dự toán thu chi nguồn Ngân sách Nhà nước và nguồn khác tại Hội nghị Cán bộ Công chức hàng năm và niêm yết công khai trên bảng thông báo của Phòng Kế Toán - Tài Vụ.

Thực hiện thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn Ngân sách Nhà nước và nguồn khác tại Hội nghị Cán bộ Công chức hàng năm và niêm yết công khai trên bảng thông báo của Phòng Kế Toán - Tài Vụ.

Thực hiện gửi Bảng thống kê chi tiết các khoản thu nhập hàng tháng cho từng cá nhân vào cuối tháng để CBVC có thể kiểm tra, đối chiếu việc tính toán quyết toán thuế thu nhập cá nhân của mình.

Trường quan tâm đặc biệt đến vai trò của công tác công khai: công khai từ khâu lập dự toán đến quyết toán thu chi ngân sách Nhà nước; công khai kế hoạch mua sắm và sửa chữa tài sản; công khai chi trả thu nhập tăng thêm... Nhờ đó công tác quản lý tài chính của trường ngày càng được chuẩn hóa minh bạch và hoàn thiện, kịp thời khắc phục thiếu sót, đời sống được cải thiện, CBVC phấn khởi trong công tác, trong các năm qua không có đơn thư khiếu nại.

3. Những tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục thực hiện công khai tài chính theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 10. Quan hệ giữa nhà trường và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường đã thiết lập được mối quan hệ với chính quyền và các cơ quan đoàn thể ở địa phương; để triển khai thực hiện các hoạt động văn hoá - xã hội. Các hoạt động này đã tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh cho học sinh, sinh viên, đem lại hiệu quả tích cực cho công tác giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, lối sống đạo đức, cải thiện đời sống văn hóa tinh thần của học sinh, sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 10.1. Thiết lập được các mối quan hệ giữa nhà trường với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, thông tin đại chúng ở địa phương.

1. Mô tả:

Nhà trường có chính sách khuyến khích CBVC và HSSV tham gia các kỳ thi, giao lưu văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao trong ngành và ở địa phương [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Hàng năm, Trường thành lập Ban văn nghệ [H10.10.01.03] và thể dục thể thao [H10.10.01.04] để tham gia và đoạt giải [H10.10.01.05] trong các kỳ thi do Sở Giáo Dục và Đào tạo TP.HCM, Công đoàn ngành, Sân Phú thọ . Ngoài ra, trường thường xuyên tham gia hoạt động tư vấn mùa thi với báo Thanh niên, báo Tuổi trẻ & ghi nhận khen ngợi [H10.10.01.06].

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường đã thiết lập được mối quan hệ với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, TDTT, thông tin đại chúng ở địa phương để tạo môi trường giáo dục lành mạnh cho học sinh, sinh viên và CBVC góp phần thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ của nhà trường, gắn nhà trường với xã hội.

3. Những tồn tại:

Sự phối hợp giữa nhà trường với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, TDTT chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2010 - 2011, nhà trường sẽ thường xuyên, chủ động hơn trong việc quan hệ với các cơ sở văn hóa ở địa phương tạo môi trường giáo dục lành mạnh cho HS, SV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.2. Thiết lập được các mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền và các cơ quan, đoàn thể ở địa phương để thực hiện các hoạt động văn hoá - xã hội.

1. Mô tả:

Nhà trường đã tạo được mối quan hệ với chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để tổ chức thực hiện các hoạt động văn hóa - xã hội. Tổ chức Đoàn thanh niên nhà trường có mối quan hệ giao lưu văn hóa thể thao với trường CĐ Phát thanh truyền hình 2, trường Quân sự TP HCM,... [H10.10.02.01] để nâng cao hơn đời sống văn hóa tinh thần cho SVHS trong trường. Ngoài ra, đoàn trường kết hợp với tổ chức đoàn địa phương tham gia các hoạt động xã hội như: xây dựng cảnh quan sạch đẹp, xây dựng và bảo vệ môi trường lành mạnh bên trong và ngoài nhà trường [H10.10.02.02], tổ chức vận động hiến máu nhân đạo tại trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM,... [H10.10.02.03]; tổ chức mùa hè xanh (sinh hoạt ôn tập hè cho thiếu nhi, tuyên truyền phòng chống ma túy, Chủ nhật xanh,...) tại phường 2 ,quận 10 [H10.10.02.04]; tiếp sức mùa thi năm 2007, 2008 [H10.10.02.05].

2. Những điểm mạnh:

Trong những năm qua nhà trường đã tạo được mối quan hệ tốt đẹp với chính quyền địa phương và tổ chức đoàn thanh niên trên địa bàn trong các hoạt động văn hóa xã hội.

3. Những tồn tại:

Cần mở rộng và duy trì thường xuyên hơn các hoạt động văn hóa xã hội giữa nhà trường với chính quyền và các cơ quan đoàn thể của địa phương.

4. Kế hoạch hành động:

Trong những năm tới Đoàn trường và Hội Sinh viên phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn để tổ chức thêm nhiều hoạt động văn hóa xã hội như tổ chức hội thao, hội diễn văn nghệ, tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật cho sinh viên và người dân trên địa bàn .

5. Tự đánh giá : Đạt

IV. KẾT LUẬN

Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng là công cụ để trường Cao đẳng Kinh tế TP HCM tự đánh giá nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Trường, xác nhận mức độ Trường đáp ứng mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn nhất định, giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo của Trường để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận là trường cao đẳng đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, làm cơ sở cho người học lựa chọn trường và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

Trong 5 năm qua, trường Cao đẳng Kinh tế TP HCM luôn bám sát mục tiêu đề ra, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của Trường, đáp ứng nguồn nhân lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của TP Hồ Chí Minh & các tỉnh lân cận.

Báo cáo Tự đánh giá của Trường tập trung vào thực hiện những việc sau: mô tả, làm rõ thực trạng của trường; phân tích, giải thích, so sánh và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu và những biện pháp khắc phục; lên kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo.

Báo cáo Tự đánh giá của Trường đã được toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học đóng góp xây dựng với tinh thần trách nhiệm và làm chủ cao. Trường rất mong Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài một cách thật khách quan giúp Trường nhận thức được chính xác thực trạng của mình để tiếp tục vươn lên thực hiện sứ mạng đã tuyên bố.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: CEP	
Tên trường: Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	
Khối ngành: Kinh tế	
Ngày tự đánh giá: 1/9/2010	

Các mức đánh giá:

Đ: Đạt C: Chưa đạt KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1:			
1.1	Đ		
1.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2:			
2.1	Đ		
2.2	Đ		
2.3	Đ		
2.4	Đ		
2.5	Đ		
2.6	Đ		
2.7	Đ		
2.8	Đ		
2.9	Đ		
Tiêu chuẩn 3:			
3.1	Đ		
3.2	Đ		
3.3	Đ		
3.4		C	
3.5	Đ		
3.6	Đ		
Tiêu chuẩn 4:			
4.1	Đ		
4.2	Đ		
4.3	Đ		
4.4	Đ		
4.5	Đ		
4.6	Đ		
4.7	Đ		
4.8		C	
4.9	Đ		
Tiêu chuẩn 5:			
5.1	Đ		
5.2	Đ		
5.3	Đ		
5.4	Đ		

5.5	Đ		
5.6	Đ		
5.7	Đ		
Tiêu chuẩn 6:			
6.1	Đ		
6.2	Đ		
6.3	Đ		
6.4	Đ		
Tiêu chuẩn 7:			
7.1		C	
7.2	Đ		
7.3		C	
7.4		C	
7.5		C	
Tiêu chuẩn 8:			
8.1	Đ		
8.2	Đ		
8.3	Đ		
8.4	Đ		
8.5		C	
8.6	Đ		
8.7	Đ		
8.8	Đ		
Tiêu chuẩn 9:			
9.1	Đ		
9.2	Đ		
9.3	Đ		
Tiêu chuẩn 10:			
10.1	Đ		
10.2	Đ		

Kết quả đánh giá:	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/Tổng số	48/55	7/55	
Tỷ lệ %	87,27%	12.73%	